

**TRƯỜNG THPT THANH ĐÀ**

**TỔ: LỊCH SỬ - GDCD**

**KẾ HOẠCH HƯỚNG DẪN HỌC SINH CHUYÊN LỚP  
MÔN : GIÁO DỤC KINH TẾ &PHÁP LUẬT- LỚP 10**

**I. GIỚI THIỆU TÀI LIỆU HỌC TẬP**

1. Tên sách: Giáo dục kinh tế và pháp luật- lớp 10- Bộ Cánh Diều
2. Hệ thống đề tài và bài học của sách giáo khoa: Gồm 9 chủ đề , 21 bài học được thể hiện trong bảng mô tả sau:

<b>TT</b>	<b>Tên chủ đề</b>	<b>TT</b>	<b>Tên đề tài/bài học</b>
<b>PHẦN MỘT: GIÁO DỤC KINH TẾ</b>			
1	<b>Nền kinh tế và các chủ thể của nền kinh tế</b>	1	Các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội
		2	Các chủ thể của nền kinh tế
2	<b>Thị trường và cơ chế thị trường</b>	3	Thị trường
		4	Cơ chế thị trường
3	<b>Ngân sách nhà nước và thuế</b>	5	Ngân sách nhà nước
		6	Thuế
4	<b>Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh</b>	7	Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh
5	<b>Tín dụng và cách sử dụng các dịch vụ tín dụng</b>	8	Tín dụng
		9	Dịch vụ tín dụng
6	<b>Lập kế hoạch tài chính cá nhân</b>	10	Lập kế hoạch tài chính cá nhân

**PHẦN HAI: GIÁO DỤC PHÁT LUẬT**

7	<b>Hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</b>	11	Công dân với hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
		12	Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
		13	Chính quyền địa phương
8	<b>Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</b>	14	Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
		15	Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chế độ chính trị
		16	Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân
		17	Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường
		18	Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về bộ máy nhà nước
9	<b>Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</b>	19	Pháp luật trong đời sống xã hội
		20	Hệ thống pháp luật Việt Nam
		21	Thực hiện pháp luật

## II. NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT

### PHẦN 1. GIÁO DỤC KINH TẾ

#### BÀI 1: CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

##### *1. Hoạt động sản xuất:*

là hoạt động con người tạo ra sản phẩm vật chất và tinh thần, đáp ứng nhu cầu của đời sống xã hội. Hoạt động sản xuất là hoạt động cơ bản nhất của con người, quyết định đến các hoạt động phân phối - trao đổi, tiêu dùng.

##### *2. Hoạt động phân phối – trao đổi.*

- Phân phối là hoạt động phân chia các yếu tố sản xuất cho các ngành, các đơn vị sản xuất và phân chia sản phẩm Cho cá nhân tiêu dùng

- Trao đổi là hoạt động đưa sản phẩm đến với người tiêu dùng

- Hoạt động phân phối - trao đổi thực hiện vai trò trung gian, kết nối sản xuất với tiêu dùng. Hoạt động phân phối đóng vai trò phân chia các yếu tố của quá trình sản xuất.

- Phân phối phù hợp sẽ góp phần thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng phát triển

- Hoạt động trao đổi đóng vai trò kết nối sản xuất với tiêu dùng, giúp người sản xuất bán được sản phẩm, duy trì, phát triển hoạt động sản xuất và đáp ứng nhu cầu mua sắm của người tiêu dùng.

##### *3. Hoạt động tiêu dùng.*

là hoạt động con người sử dụng các sản phẩm được sản xuất để thỏa mãn nhu cầu vật chất và tinh thần của mình.

Hoạt động tiêu dùng bao gồm tiêu dùng cho sản xuất và tiêu dùng cho sinh hoạt

Tiêu dùng là mục đích, động lực thúc đẩy sản xuất phát triển.

#### BÀI TẬP LUYỆN TẬP

**Câu 1:** Việc làm nào dưới đây thể hiện trách nhiệm xã hội của hoạt động sản xuất?

- A. Công ti H sản xuất hàng hóa gắn với bảo vệ môi trường.
- B. Cửa hàng xăng dầu A gia lận trong việc bán hàng.
- C. Công ti E làm giả hoá đơn để được miễn giảm thuế.
- D. Ông K xả chất thải chưa qua xử lý ra môi trường

- Câu 2:** Khi tiến hành phân bổ nguyên vật liệu của công ty tới các bộ phận khác nhau trong dây chuyền sản xuất, quá trình này gắn liền với hoạt động nào dưới đây của nền kinh tế xã hội ? DH2
- A. sản xuất.                      B. tiêu dùng.                      C. phân phối.                      D. trao đổi.
- Câu 3:** Trong các hoạt động của con người, hoạt động sản xuất đóng vai trò là hoạt động
- A. ít quan trọng.                      B. bình thường nhất.                      C. thiết yếu nhất.                      D. cơ bản nhất.
- Câu 4:** Trong nền kinh tế xã hội, hoạt động đóng vai trò cơ bản nhất, quyết định các hoạt động khác của đời sống xã hội là hoạt động
- A. sản xuất                      B. phân phối.                      C. tiêu dùng                      D. trao đổi.
- Câu 5:** Trong nền kinh tế thị trường, việc làm nào dưới đây của các chủ thể kinh tế gắn liền với hoạt động phân phối ?
- A. Công ty A điều chỉnh cơ cấu mặt hàng sản xuất.  
B. Công ty A điều chỉnh nhiệm vụ các nhân viên.  
C. Công ty A điều chỉnh cơ cấu nhân sự công ty.  
D. Công ty A nhập nguyên liệu để tăng ca sản xuất.
- Câu 6:** Trong các hoạt động kinh tế, hoạt động nào đóng vai trò trung gian, kết nối người sản xuất với người tiêu dùng?
- A. Hoạt động vận chuyển - tiêu dùng                      B. Hoạt động phân phối - trao đổi  
C. Hoạt động sản xuất - vận chuyển                      D. Hoạt động sản xuất - tiêu thụ
- Câu 7:** Một nền kinh tế bao gồm các hoạt động cơ bản nào?
- A. Sản xuất, phân phối - trao đổi, tiêu dùng  
B. Sản xuất, kinh doanh, trao đổi, thu nhập  
C. Sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, thu nhập  
D. Sản xuất, kinh doanh, trao đổi, cạnh tranh.
- Câu 8:** Trong nền kinh tế thị trường, việc làm nào dưới đây của các chủ thể kinh tế gắn liền với hoạt động phân phối ? DT1
- A. Giám đốc phân bổ lợi nhuận cho các thành viên.  
B. Giám đốc phân công nhiệm vụ các ca trực.  
C. Công ty A nhập nguyên liệu để mở rộng sản xuất  
D. Lãnh đạo công ty điều động nhân sự.
- Câu 9:** Quá trình phân chia các yếu tố sản xuất cho các ngành sản xuất để tạo ra sản phẩm là nội dung của khái niệm
- A. sản xuất                      B. phân phối.                      C. tiêu dùng                      D. trao đổi.
- Câu 10:** Trong nền kinh tế, việc tiến hành phân chia kết quả sản xuất cho tiêu dùng được gọi là
- A. sản xuất của cải vật chất.                      B. phân phối cho sản xuất  
C. phân phối cho tiêu dùng.                      D. tiêu dùng cho sản xuất.
- Câu 11:** Hành vi nào dưới đây **không** đúng khi tham gia vào các hoạt động kinh tế?
- A. Bạn A giải thích cho người thân của mình về trách nhiệm của công dân khi tham gia các hoạt động kinh tế.  
B. Trước tình hình dịch bệnh, nhu cầu mua thuốc của người dân tăng mạnh, nhà thuốc P cam kết không tăng giá sản phẩm.  
C. Xí nghiệp Y trong quá trình sản xuất đã để khói bụi gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường và sức khoẻ người dân.  
D. Doanh nghiệp bán lẻ H luôn sản xuất hàng hoá đảm bảo chất lượng, đóng thuế đầy đủ theo quy định của pháp luật.
- Câu 12:** Hoạt động nào dưới đây đóng vai trò là trung gian kết nối sản xuất với tiêu dùng ?
- A. Trao đổi.                      B. Phân phối và trao đổi.  
C. Tiêu dùng và trao đổi.                      D. Phân phối.
- Câu 13:** Trong nền kinh tế xã hội, hoạt động sản xuất gắn liền với việc làm nào dưới đây ?

A. Mang quần áo ra chợ bán.

B. May quần áo để bán.

C. Trao đổi quần áo với nhau.

D. Bán lại quần áo đã nhập.

**Câu 14:** Quá trình con người sử dụng các yếu tố sản xuất để tạo ra các sản phẩm đáp ứng nhu cầu của đời sống xã hội là nội dung của khái niệm hoạt động

A. tiêu dùng

B. phân phối.

C. sản xuất

D. trao đổi.

**Câu 15:** Quá trình con người sử dụng các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ để thỏa mãn nhu cầu sản xuất và sinh hoạt là biểu hiện của hoạt động

A. tiêu dùng.

B. lao động.

C. sản xuất.

D. phân phối.

**Câu 16:** Hãy chỉ ra hoạt động sản xuất trong các hoạt động dưới đây ?

A. Trồng lúa chất lượng cao.

B. Vận chuyển vật liệu vào kho.

C. Mang rau ra chợ bán.

D. Nấu cháo cho mẹ.

**Câu 17:** Việc làm nào dưới đây gắn liền với hoạt động tiêu dùng trong nền kinh tế xã hội

A. Phân bổ vật tư sản xuất.

B. Vận chuyển hàng hóa.

C. Chế biến gạo thành thức ăn chăn nuôi.

D. Xuất khẩu thức ăn chăn nuôi

Việc làm nào dưới đây gắn liền với hoạt động tiêu dùng trong nền kinh tế xã hội

**Câu 18:** Nội dung nào dưới đây **không** phải là vai trò của hoạt động tiêu dùng?

A. Động lực cho sản xuất phát triển.

B. “Đơn đặt hàng” cho sản xuất.

C. Điều tiết hoạt động trao đổi.

D. Quyết định phân phối thu nhập.

**Câu 19:** Hoạt động nào dưới đây là căn cứ quan trọng để xác định số lượng, cơ cấu, chất lượng hình thức sản phẩm đối với sản xuất ?

A. sản xuất.

B. tiêu dùng.

C. phân phối.

D. lao động.

**Câu 20:** Trong nền kinh tế thị trường, hoạt động sản xuất **không** gắn liền với việc làm nào dưới đây?

A. Nghệ nhân chế tác đồ gốm mỹ nghệ

B. Nông dân thu hoạch lúa bằng máy.

C. Công ty A hợp tác sản xuất băng đĩa nhạc.

D. Trung tâm H tổ chức xuất khẩu lao động.

\*\*\*\*\*

## BÀI 2. CÁC CHỦ THỂ CỦA NỀN KINH TẾ

### 1. Chủ thể sản xuất:

- Là những cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp... sử dụng các yếu tố đầu vào như nguồn vốn, sức lao động, tài nguyên,... tạo ra (sản phẩm, dịch vụ) cho xã hội, phục vụ nhu cầu tiêu dùng, góp phần thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế.

- Ngoài mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận, chủ thể sản xuất cần phải tuân thủ pháp luật, có trách nhiệm cung cấp những hàng hoá, không làm tổn hại đối với con người, với môi trường và xã hội, góp phần phát triển bền vững

### 2. Chủ thể trung gian:

Gồm những tổ chức cá nhân giữ vai trò kết nối giữa người tiêu dùng và người sản xuất trong nền kinh tế. Dưới tác động của phân công lao động xã hội, những chủ thể trung gian xuất hiện trên thị trường thực hiện kết nối các quan hệ mua và bán, sản xuất và tiêu dùng

Chủ thể trung gian góp phần giúp nền kinh tế linh hoạt, hiệu quả.

### 3. Chủ thể tiêu dùng:

Là người mua và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ để thoả mãn nhu cầu của mình. Chủ thể tiêu dùng có vai trò quan trọng trong việc định hướng, tạo động lực cho sản xuất phát triển, có trách nhiệm đối với sự phát triển bền vững. Chủ thể tiêu dùng cần phải có trách nhiệm đối với sự phát triển bền vững của xã hội; lựa chọn, tiêu dùng hàng hoá có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; phê phán hành vi trái pháp luật trong hoạt động kinh tế.

### 4. Chủ thể Nhà nước:

Nhà nước chủ thể của nền kinh tế, có vai trò điều tiết và tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành kinh tế khác nhau hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả. Đồng thời, Nhà nước cũng tác động để điều chỉnh và khắc phục những vấn đề nảy sinh trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

## BÀI TẬP LUYỆN TẬP

**Câu 1:** Trong nền kinh tế, chủ thể nào dưới đây **không** đóng vai trò là chủ thể sản xuất?

- A. Hộ kinh doanh.
- B. Người kinh doanh.
- C. Người sản xuất.
- D. Người tiêu dùng.

**Câu 2:** Trong nền kinh tế, chủ thể nào dưới đây đóng vai trò là chủ thể trung gian khi tham gia vào các quan hệ kinh tế?

- A. Hộ kinh tế gia đình.
- B. Ngân hàng nhà nước.
- C. Nhà đầu tư bất động sản.
- D. Trung tâm siêu thị điện máy.

**Câu 3:** Trong nền kinh tế, chủ thể nào dưới đây đóng vai trò là chủ thể sản xuất?

- A. Kho bạc nhà nước.
- B. Người hoạt động kinh doanh.
- C. Người tiêu dùng.
- D. Ngân hàng nhà nước.

**Câu 4:** Những người sản xuất để cung cấp hàng hóa, dịch vụ ra thị trường đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội được gọi là chủ thể

- A. phân phối.
- B. sản xuất.
- C. nhà nước.
- D. tiêu dùng.

**Câu 5:** Trong nền kinh tế hàng hóa, người tiến hành các hoạt động mua hàng hóa, dịch vụ để thoả mãn các nhu cầu tiêu dùng cá nhân được gọi là

- A. chủ thể tiêu dùng.
- B. chủ thể trung gian.
- C. chủ thể nhà nước
- D. chủ thể sản xuất.

**Câu 6:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện vai trò của chủ thể kinh tế nhà nước?

- A. Quản lý vĩ mô nền kinh tế.
- B. Quản lý căn cước công dân.
- C. Thực hiện tiến bộ xã hội.
- D. Thực hiện an sinh xã hội.

**Câu 7:** Trong nền kinh tế hàng hóa, chủ thể nào dưới đây đóng vai trò là chủ thể trung gian trong nền kinh tế?

- A. Kho bạc nhà nước các cấp.
- B. Nhà máy sản xuất phân bón.
- C. Trung tâm môi giới việc làm.
- D. Ngân hàng chính sách xã hội.

**Câu 8:** Trong nền kinh tế hàng hóa, việc làm nào dưới đây thể hiện vai trò quản lý kinh tế của nhà nước?

- A. Tiếp thị sản phẩm hàng hóa.
- B. Hoàn thiện hệ thống pháp luật.
- C. Môi giới bất động sản.
- D. Tìm hiểu giá cả thị trường.

**Câu 9:** Việc làm nào dưới đây **không** phù hợp với trách nhiệm xã hội của chủ thể tiêu dùng?

- A. Sử dụng sản phẩm gây độc hại với con người.
- B. Sử dụng hàng hóa thân thiện môi trường.
- C. Không tiêu dùng hàng hóa gây hại cho con người.
- D. Sử dụng chuỗi sản phẩm tiêu dùng xanh.

**Câu 10:** Một trong những vai trò của chủ thể kinh tế nhà nước là

- A. thúc đẩy lạm phát gia tăng.
- B. tăng tỷ lệ thất nghiệp cơ học.
- C. giảm tỷ lệ trẻ mù chữ.
- D. quản lý vĩ mô nền kinh tế.

**Câu 11:** Trong nền kinh tế hàng hóa, chủ thể nào dưới đây tiến hành các hoạt động mua hàng, tích trữ hàng hóa rồi bán lại cho các đại lý?

- A. chủ thể sản xuất.
- B. chủ thể nhà nước.
- C. chủ thể tiêu dùng.
- D. chủ thể trung gian.

**Câu 12:** Trong nền kinh tế hàng hóa, người tiến hành các hoạt động mua hàng hóa, dịch vụ để thỏa mãn các nhu cầu tiêu dùng cho sản xuất được gọi là

- A. chủ thể tiêu dùng.
- B. chủ thể trung gian.
- C. chủ thể nhà nước.
- D. chủ thể sản xuất.

**Câu 13:** Chủ thể trung gian **không** có vai trò nào dưới đây ?

- A. Trung gian giữa sản xuất và tiêu dùng.
- B. Là mục đích cuối cùng của sản xuất.
- C. Môi giới trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- D. Thúc đẩy phân phối hàng hóa thuận lợi.

**Câu 14:** Trong nền kinh tế, chủ thể nào dưới đây đóng vai trò là chủ thể sản xuất?

- A. Người tiêu dùng.
- B. Cơ quan nhà nước.
- C. Nhà đầu tư.
- D. Người ship hàng.

**Câu 15:** Nội dung nào dưới đây là vai trò chủ thể kinh tế của Nhà nước?

- A. Thỏa mãn nhu cầu của người sản xuất.
- B. Thực hiện chức năng quản lý nền kinh tế.
- C. Quyết định số lượng sản phẩm sẽ cung ứng cho thị trường.
- D. Quyết định hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

**Câu 16:** Mục tiêu cơ bản mà các chủ thể sản xuất hướng tới là

- A. làm công tác từ thiện.
- B. triệt tiêu đối thủ.
- C. tiêu dùng.
- D. lợi nhuận.

**Câu 17:** Điều tiết và tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành kinh tế khác nhau hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả là vai trò của chủ thể kinh tế nào?

- A. Chủ thể sản xuất.
- B. Chủ thể tiêu dùng.
- C. Chủ thể trung gian.
- D. Chủ thể Nhà nước.

**Câu 18:** Nội dung nào dưới đây là vai trò của chủ thể sản xuất?

- A. Là cầu nối giữa sản xuất với tiêu dùng.
- B. Tạo môi trường cho sự phát triển kinh tế.
- C. Sử dụng các yếu tố sản xuất để sản xuất.

D. Là cầu nối giữa tiêu dùng và phân phối.

**Câu 19:** Trong nền kinh tế, chủ thể nào dưới đây đóng vai trò là chủ thể sản xuất?

A. Người mua hàng.

B. Người vận chuyển.

C. Người sản xuất.

D. Cơ quan thuế.

**Câu 20:** Thực hiện vai trò kết nối trong các quan hệ mua - bán, giúp cho nền kinh tế linh hoạt, hiệu quả là vai trò của chủ thể kinh tế nào?

A. Người sản xuất kinh doanh

B. Chủ thể trung gian

C. Chủ thể Nhà nước

D. Người tiêu dùng

\*\*\*\*\*

### **BÀI 3: THỊ TRƯỜNG**

#### **1. Khái niệm thị trường**

Thị trường là lĩnh vực trao đổi, mua bán mà ở đó các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định giá cả và số lượng hàng hoá, dịch vụ.

- Các yếu tố cơ bản của thị trường là hàng hóa, tiền tệ, giá cả, người mua, người bán

- Các quan hệ cơ bản của thị trường là hàng hóa- tiền tệ, mua- bán, cung- cầu.

#### **2. Các loại thị trường:**

+ Căn cứ theo đối tượng hàng hoá, dịch vụ được trao đổi, mua bán: thị trường hàng hoá (thị trường gạo, thị trường sắt thép,...), thị trường dịch vụ (thị trường chăm sóc sắc đẹp, thị trường chứng khoán,..)

..

+ Căn cứ vào vai trò của các sản phẩm được trao đổi, mua bán: thị trường hàng tiêu dùng; thị trường tư liệu sản xuất.

+ Căn cứ vào phạm vi hoạt động: thị trường trong nước và thị trường thế giới.

+ Căn cứ vào cách thức gặp nhau của chủ thể: thị trường truyền thống và thị trường trực tuyến.

+ Căn cứ vào tính chất và cơ chế vận hành có thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo (độc quyền).

#### **3. Chức năng của thị trường:**

+ Thừa nhận giá trị sử dụng và giá trị của hàng hoá.

+ Thông tin cho các chủ thể kinh tế.

+ Điều tiết, kích thích hoặc hạn chế hoạt động sản xuất và tiêu dùng.



## BÀI TẬP LUYỆN TẬP

**Câu 1:** Thị trường **không** có yếu tố nào dưới đây?

- A. Nhạc sỹ.                      B. Người mua.                      C. Tiền tệ.                      D. Hàng hóa.

**Câu 2:** Hành vi chủ thể kinh tế nào dưới đây **không** đúng khi tham gia vào thị trường? DH2

- A. Doanh nghiệp bán lẻ X tăng giá các mặt hàng khi chi phí vận chuyển tăng cao.  
B. Giá rau ở chợ M tăng đột biến do rau khan hiếm, nhập về ít.  
C. Công ti H giảm giá mua thanh long do đối tác ngừng hợp đồng thu mua.  
D. Trạm xăng dầu B đóng cửa không bán vì giá xăng tăng lên vào ngày mai.

**Câu 3:** Căn cứ vào tính chất và cơ chế vận hành, thị trường được chia thành:

- A. Thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo.  
B. Thị trường tư liệu sản xuất, thị trường tư liệu tiêu dùng.  
C. Thị trường trong nước, thị trường ngoài nước.  
D. Thị trường ô tô, thị trường bảo hiểm, thị trường chứng khoán,...

**Câu 4:** Trong nền kinh tế hàng hóa, một trong những chức năng cơ bản của thị trường là chức năng

- A. làm trung gian trao đổi.                      B. đo lường giá trị hàng hóa.  
C. thừa nhận giá trị hàng hóa.                      D. biểu hiện bằng giá cả.

**Câu 5:** Một trong những quan hệ cơ bản của thị trường là quan hệ

- A. Cầu – cạnh tranh.                      B. Cầu – nhà nước                      C. Cầu – sản xuất.                      D. cung – cầu.

**Câu 6:** Sản xuất hàng hóa số lượng bao nhiêu, giá cả như thế nào do nhân tố nào sau đây quyết định?

- A. Người làm dịch vụ.                      B. Nhà nước.  
C. Thị trường.                      D. Người sản xuất.

**Câu 7:** Trong nền kinh tế hàng hóa, thị trường **không** có chức năng cơ bản nào sau đây?

- A. Điều tiết sản xuất.                      B. Cung cấp thông tin.  
C. Kích thích tiêu dùng.                      D. Phương tiện cất trữ.

**Câu 8:** Căn cứ vào tiêu chí/ đặc điểm nào để phân chia các loại thị trường như thị trường vàng, thị trường bảo hiểm, thị trường bất động sản?

- A. Phạm vi hoạt động                      B. Đối tượng hàng hoá  
C. Tính chất và cơ chế vận hành                      D. Vai trò của các đối tượng mua bán

**Câu 9:** Nội dung nào dưới đây **không** phải là chức năng của thị trường?

- A. Cung cấp hàng hoá, dịch vụ ra thị trường.  
B. Điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng.  
C. Cung cấp thông tin cho người sản xuất và người tiêu dùng.  
D. Thừa nhận công dụng xã hội của hàng hoá

**Câu 10:** Trong nền kinh tế hàng hóa, một trong những chức năng cơ bản của thị trường là chức năng

- A. biểu hiện giá trị hàng hóa.                      B. làm môi giới trao đổi  
C. thông tin giá cả hàng hóa.                      D. trao đổi hàng hóa.

**Câu 11:** Các nhân tố cơ bản của thị trường là

- A. hàng hoá, giá cả, địa điểm mua bán.                      B. hàng hoá, tiền tệ, giá cả.  
C. hàng hoá, tiền tệ, người mua, người bán.                      D. tiền tệ, người mua, người bán.

**Câu 12:** Thị trường giúp người tiêu dùng điều chỉnh việc mua sao cho có lợi nhất là thể hiện chức năng nào sau đây?

- A. Cung cấp thông tin.                      B. Tiền tệ thế giới.  
C. Thúc đẩy độc quyền.                      D. Phương tiện cất trữ.

**Câu 13:** Một trong những quan hệ cơ bản của thị trường là quan hệ

- A. Thương – phạt.                      B. Cho – nhận.                      C. Trên – dưới                      D. Mua – bán.

**Câu 14:** Theo phạm vi của quan hệ mua bán, thị trường được phân chia thành thị trường

- A. trong nước và quốc tế.                      B. hoàn hảo và không hoàn hảo.

C. truyền thông và trực tuyến.

D. cung - cầu về hàng hóa.

**Câu 15:** Trong nền kinh tế hàng hóa, một trong những chức năng cơ bản của thị trường là chức năng

A. trao đổi hàng hóa.

B. thực hiện hàng hóa.

C. đánh giá hàng hóa.

D. thông tin.

**Câu 16:** Khi người bán đem hàng hoá ra thị trường, hàng hoá nào thích hợp với nhu cầu của xã hội thì bán được, điều đó thể hiện chức năng nào của thị trường?

A. Gắn kết nền kinh tế thành một chỉnh thể

B. Kích thích sự sáng tạo của mỗi chủ thể kinh tế

C. Thừa nhận giá trị và giá trị sử dụng

D. Gắn kết nền kinh tế quốc gia với nền kinh tế thế giới

**Câu 17:** Bên cạnh chức năng thừa nhận và chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng, thị trường còn có chức năng

A. thực hiện.

B. thông tin.

C. mua – bán.

D. kiểm tra.

**Câu 18:** Một trong những quan hệ cơ bản của thị trường là quan hệ

A. cung – sản xuất.

B. cung – cạnh tranh.

C. cung – cầu.

D. cung – nhà nước

**Câu 19:** Việc phân chia thị trường thành thị trường tư liệu sản xuất - thị trường tư liệu tiêu dùng dựa trên cơ sở nào?

A. Phạm vi các quan hệ mua bán, trao đổi.

B. Vai trò của các đối tượng mua bán, trao đổi.

C. Đối tượng mua bán, trao đổi.

D. Tính chất của các mối quan hệ mua bán, trao đổi.

**Câu 20:** Các loại thị trường nào dưới đây được hình thành dựa trên vai trò của đối tượng giao dịch, mua bán

A. Thị trường gạo, cà phê, thép.

B. Thị trường tiêu dùng, lao động.

C. Thị trường hoàn hảo và không hoàn hảo.

D. Thị trường trong nước và quốc tế.

\*\*\*\*\*

## **BÀI 4: CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG**

### **1. Khái niệm cơ chế thị trường**

là cách thức vận hành của nền kinh tế, trong đó các chủ thể kinh tế tác động qua lại với nhau để phân bổ các nguồn lực, hình thành giá cả, xác định khối lượng và cơ cấu sản xuất, tiêu dùng theo yêu cầu của các quy luật kinh tế.

### **2. Ưu điểm và nhược điểm của cơ chế thị trường**

- **Ưu điểm của cơ chế thị trường:**

+ Tạo động lực sáng tạo cho các chủ thể kinh tế;

+ Thúc đẩy các doanh nghiệp cải tiến phát minh và ứng dụng của khoa học - công nghệ, đổi mới tổ chức sản xuất và quản lí kinh doanh;

+ Thực hiện phân phối các nguồn lực kinh tế một cách tối ưu;

+ Phát huy tối đa tiềm năng của mọi chủ thể, vùng miền, thúc đẩy liên kết kinh tế trong nước và hội nhập quốc tế.

- **Nhược điểm của cơ chế thị trường:**

+ Có thể dẫn tới suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường và các hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh.

+ Sự vận động của cơ chế thị trường cũng tiềm ẩn nguy cơ khủng hoảng, có thể dẫn đến lạm phát;

+ Sự phân hóa giàu- nghèo giữa những người sản xuất, kinh doanh.

### 3. Giá cả thị trường

#### a. Khái niệm giá cả thị trường

là giá hàng hóa và dịch vụ hình thành do sự tác động qua lại giữa các chủ thể kinh tế tham gia hoạt động mua bán trên thị trường tại một thời điểm, địa điểm nhất định.

#### b. Chức năng giá cả thị trường

- Cung cấp thông tin: để các chủ thể kinh tế đưa ra những quyết định mở rộng hay thu hẹp sản xuất, tăng hay giảm tiêu dùng.

- Phân bổ nguồn lực: góp phần ổn định quy mô sản xuất, cân đối cung - cầu.

- Là công cụ để nhà nước thực hiện quản lí, kích thích, điều tiết nền kinh tế.

### **BÀI TẬP LUYỆN TẬP**

**Câu 1:** Trong nền kinh tế hàng hóa, nội dung nào dưới đây **không** thể hiện mặt tích cực của cơ chế thị trường?

A. Hạ giá thành sản phẩm.

B. Sử dụng những thủ đoạn phi pháp.

C. Đổi mới công nghệ sản xuất.

D. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

**Câu 2:** Số tiền phải trả cho một hàng hoá để bù đắp những chi phí sản xuất và lưu thông hàng hoá đó được gọi là

A. giá trị sử dụng

B. tiêu dùng sản phẩm.

C. phân phối sản phẩm.

D. giá cả hàng hoá.

**Câu 3:** Xét về mặt bản chất của nền kinh tế, việc điều tiết của cơ chế thị trường được ví như

A. thượng đế

B. mệnh lệnh.

C. ý niệm tuyệt đối.

D. bàn tay vô hình.

**Câu 4:** Giá bán thực tế của hàng hoá do tác động qua lại giữa các chủ thể kinh tế trên thị trường tại một thời điểm, địa điểm nhất định được gọi là

A. giá cả cá biệt.

B. giá cả thị trường.

C. giá trị thặng dư.

D. giá trị sử dụng.

**Câu 5:** Số tiền phải trả cho một hàng hoá để bù đắp những chi phí sản xuất và lưu thông hàng hoá đó được gọi là

A. phân phối sản phẩm.

B. tiêu dùng sản phẩm.

C. giá cả hàng hoá.

D. giá trị sử dụng

**Câu 6:** Hệ thống các quan hệ mang tính điều chỉnh tuân theo yêu cầu của các quy luật kinh tế được gọi là:

A. Thị trường.

B. Cơ chế thị trường.

C. Giá cả thị trường.

D. Kinh tế thị trường.

**Câu 7:** Một trong những tác động tích cực của cơ chế thị trường là

- A. tăng cường đầu cơ tích trữ.
- B. hủy hoại môi trường sống.
- C. xuất hiện nhiều hàng giả.
- D. thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

**Câu 8:** Trong sản xuất và kinh doanh hàng hóa, mặt tích cực của cơ chế thị trường thể hiện ở việc, các chủ thể kinh tế vì nhằm giành nhiều lợi nhuận về mình đã không ngừng

- A. đầu tư đổi mới công nghệ.
- B. bán hàng giả gây rối thị trường.
- C. hủy hoại tài nguyên thiên nhiên.
- D. xả trực tiếp chất thải ra môi trường.

**Câu 9:** Câu tục ngữ "Cá lớn nuốt cá bé" chỉ quy luật kinh tế nào?

- A. Quy luật cạnh tranh
- B. Quy luật lưu thông tiền tệ
- C. Quy luật cung - cầu
- D. Quy luật giá trị

**Câu 10:** Hành vi nào sau đây là biểu hiện của sự cạnh tranh không lành mạnh?

- A. Đầu cơ tích trữ để nâng giá .
- B. Khuyến mãi giảm giá.
- C. Hạ giá thành sản phẩm.
- D. Tư vấn công dụng sản phẩm.

**Câu 11:** Giá cả thị trường là gì

- A. giá mà người bán áp đặt cho người mua.
- B. giá mà người mua muốn trả cho người bán.
- C. giá do Nhà nước quy định.
- D. giá bán thực tế của hàng hoá trên thị trường.

**Câu 12:** Nội dung nào sau đây được xem là mặt hạn chế của cơ chế thị trường ?

- A. Đầu cơ tích trữ gây rối loạn thị trường.
- B. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
- C. Kích thích sức sản xuất.
- D. Khai thác tối đa mọi nguồn lực.

**Câu 13:** Trong nền kinh tế hàng hóa, giá cả thị trường được hình thành thông qua việc thỏa thuận giữa

- A. người tiêu dùng với nhau.
- B. người sản xuất với nhau.
- C. người mua và người bán.
- D. người phân phối và trao đổi.

**Câu 14:** Trong sản xuất và kinh doanh hàng hóa, nội dung nào dưới đây **không** thể hiện mặt tích cực của cơ chế thị trường?

- A. Làm giả thương hiệu hàng hóa.
- B. Giành nguồn nguyên liệu thuận lợi.
- C. Giành ưu thế về khoa học công nghệ.
- D. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

**Câu 15:** Để hạn chế những mặt tiêu cực, mặt trái của cơ chế thị trường đòi hỏi phải có vai trò quản lý kinh tế của chủ thể nào dưới đây

- A. Doanh nghiệp.
- B. Nhà nước.
- C. Người sản xuất.
- D. Người tiêu dùng

**Câu 16:** Giá cả hàng hoá được hiểu là

- A. giá trị trao đổi được biểu hiện bằng tiền.
- B. biểu hiện bằng tiền của giá trị sử dụng.
- C. biểu hiện bên ngoài của giá trị sử dụng.
- D. biểu hiện bằng tiền của giá trị hàng hoá.

**Câu 17:** Căn cứ vào giá cả thị trường, các chủ thể kinh tế đưa ra những quyết định trong việc điều tiết hoạt động tiêu dùng của mình là phản ánh chức năng nào dưới đây của giá cả thị trường?

- A. Thừa nhận.
- B. Gây nhiễu.
- C. Quyền lực.
- D. Thông tin.

**Câu 18:** Điều không phải quy luật kinh tế?

- A. Quy luật cung – cầu
- B. Quy luật tiền tệ
- C. Quy luật giá trị
- D. Quy luật cạnh tranh

**Câu 19:** Giá cả thị trường chịu **không** chịu tác động của yếu tố nào dưới đây

- A. Người bán.
- B. Người mua.
- C. Lao động tự do
- D. Người sản xuất.

**Câu 20:** Anh D bán mặt hàng vải, nhưng khi trên thị trường mặt hàng vải bán quá chậm trong khi mặt hàng may sẵn lại bán nhanh hơn và giá cao, để không bị ứ đọng vốn và thu được lợi nhuận, anh A đã quyết định chuyển đổi từ kinh doanh mặt hàng vải sang kinh doanh mặt hàng quần áo may sẵn là đã vận dụng chức năng nào dưới đây của giá cả thị trường?

- A. Điều tiết sản xuất
- B. Phân hóa giàu nghèo
- C. Điều tiết lưu thông.
- D. Kích thích lực lượng sản xuất

\*\*\*\*\*

## **BÀI 5. NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

### ***1. Khái niệm và đặc điểm của ngân sách nhà nước***

Theo Điều 4 của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước.

#### **- Ngân sách nhà nước gồm có:**

+ Ngân sách địa phương là các khoản thu ngân sách nhà nước phân cấp cho cấp địa phương hưởng, thu bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách, địa phương và các khoản chi ngân sách nhà nước thuộc nhiệm vụ chi của cấp địa phương.

+ Ngân hàng trung ương là các khoản thu ngân sách nhà nước phân cấp cho cấp trung ương hưởng và các khoản chi ngân sách nhà nước thuộc nhiệm vụ chi của cấp trung ương.

#### ***Đặc điểm của ngân sách nhà nước:***

+ Bao gồm toàn bộ các khoản thu chi được dự toán và thực hiện trong một thời gian nhất định

+ Được quyết định bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền

+ Hoạt động thu chi của ngân sách nhà nước được thực hiện theo nguyên tắc không hoàn trả trực tiếp

+ Được xây dựng và thực hiện nhằm mục tiêu bảo đảm về mặt tài chính cho việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước vì lợi ích chung của quốc gia.

#### ***3. Vai trò của ngân sách nhà nước:***

+ Cung cấp nguồn tài chính để duy trì hoạt động của bộ máy nhà nước.

+ Định hướng phát triển sản xuất vào những vùng, lĩnh vực cần thiết

+ Là công cụ điều tiết thị trường, bình ổn giá cả, kiềm chế lạm phát

+ Là công cụ điều tiết thu nhập qua thuế và quỹ phúc lợi xã hội

+ Tạo lập quỹ dự trữ quốc gia để phòng chống thiên tai, dịch bệnh,...

+ Là công cụ mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế

#### ***4. Quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật về ngân sách***

+ Nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

+ Trường hợp được Nhà nước trợ cấp, hỗ trợ vốn và kinh phí theo dự toán được giao thì phải quản lý, sử dụng các khoản vốn và kinh phí đó đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm, hiệu quả và quyết toán với cơ quan tài chính.

- + Chấp hành đúng quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và công khai ngân sách.
- + Được cung cấp thông tin, tham gia giám sát cộng đồng về tài chính - ngân sách theo quy định của pháp luật.

## BÀI TẬP LUYỆN TẬP

**Câu 1:** Theo Luật ngân sách nhà nước, nội dung nào dưới đây **không** đúng về vai trò của ngân sách nhà nước?

- A. Ngân sách nhà nước là công cụ để điều tiết thị trường.
- B. Ngân sách nhà nước để đảm bảo nhu cầu chi tiêu của mọi người dân trong xã hội.
- C. Ngân sách nhà nước duy trì hoạt động của bộ máy nhà nước.
- D. Ngân sách nhà nước điều tiết thu nhập qua thuế và quỹ phúc lợi xã hội.

**Câu 2:** Theo quy định của Luật ngân sách, Ngân sách nhà nước không gồm các khoản thu nào?

- A. Thu viện trợ.
- B. Thu từ dầu thô.
- C. Thu từ đầu tư phát triển.
- D. Thu nội địa.

**Câu 3:** Ý kiến nào dưới đây của ông T **không** đúng khi nói về đặc điểm của ngân sách nhà nước?

- A. Ngân sách nhà nước là các khoản thu chi không được dự toán.
- B. Ngân sách nhà nước phải do Quốc hội thông qua và quyết định.
- C. Ngân sách nhà nước do Chính phủ tổ chức thực hiện.
- D. Ngân sách nhà nước được thiết lập và thực thi vì lợi ích chung.

**Câu 4:** Ngân sách nhà nước là

- A. bản dự trù thu chi tài chính của Nhà nước trong một khoảng thời gian nhất định
- B. quỹ tiền tệ tập trung chi cho cơ sở hạ tầng và an sinh xã hội.
- C. khoản thu của những quan hệ kinh tế phát sinh trong thị trường kinh tế.
- D. khoảng dự trù thu chi từ dân và cho dân.

**Câu 5:** Ngân sách nhà nước do cơ quan nào quyết định để đảm bảo thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của nhà nước?

- A. Chính phủ.
- B. Chủ tịch nước.
- C. cơ quan địa phương.
- D. cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**Câu 6:** Theo quy định của Luật ngân sách thì ngân sách địa phương là các khoản thu và các khoản chi ngân sách nhà nước thuộc nhiệm vụ chi của cấp.

- A. nhà nước.
- B. Chính phủ
- C. địa phương
- D. trung ương.

**Câu 7:** Toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước đượ gọi là

- A. tài chính nhà nước.
- B. kho bạc nhà nước.
- C. tiền tệ nhà nước.
- D. ngân sách nhà nước.

**Câu 8:** Trường hợp nào dưới đây được gọi là bội chi ngân sách nhà nước?

- A. Tổng thu nhỏ hơn tổng chi
- B. Tổng thu lớn hơn hoặc bằng tổng chi.
- C. Tổng thu nhỏ hơn hoặc bằng tổng chi.
- D. Tổng thu lớn hơn tổng chi

**Câu 9:** Theo Luật ngân sách nhà nước, nội dung nào dưới đây phản ánh đúng về ngân sách nhà nước?

- A. Ngân sách nhà nước là quỹ dự trữ tài chính của một quốc gia
- B. Ngân sách nhà nước là toàn bộ vốn của người dân trong một quốc gia.
- C. Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước
- D. Ngân sách nhà nước là toàn bộ tài sản của các doanh nghiệp

**Câu 10:** Nhận định nào sau đây **không** nói về ngân sách nhà nước

- A. công cụ để Nhà nước điều tiết thị trường.
- B. tạo lập quỹ phòng chống thiên tai
- C. tạo lập quỹ dự trữ quốc gia .
- D. công cụ để đẩy mạnh xuất khẩu.

**Câu 11:** Nhà nước có quyền gì đối với các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước?

- A. quyền sử dụng
- B. quyền quyết định
- C. quyền sở hữu
- D. quyền sở hữu và quyết định

**Câu 12:** Ngân sách nhà nước **không** gồm các khoản chi nào?

- A. Chi cải cách tiền lương.
- B. Các khoản chi quỹ từ thiện.
- C. Bổ sung Quỹ dự trữ tài chính.
- D. Dự phòng ngân sách nhà nước.

**Câu 13:** Theo quy định của Luật ngân sách, Ngân sách nhà nước gồm khoản chi nào dưới đây?

- A. Cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu.
- B. Chi đầu tư phát triển.
- C. Chi quỹ bảo trợ quốc tế.
- D. Chi quỹ bảo trợ trẻ em.

**Câu 14:** Một trong những vai trò cơ bản của ngân sách nhà nước là góp phần

- A. hoàn trả trực tiếp cho người dân.
- B. chia đều sản phẩm thặng dư.
- C. duy trì hoạt động bộ máy nhà nước.
- D. phân chia mọi nguồn thu nhập.

**Câu 15:** Một trong những đặc điểm của ngân sách nhà nước là ngân sách nhà nước

- A. phân chia cho mọi người.
- B. ai cũng có quyền lấy.
- C. có rất nhiều tiền bạc.
- D. có tính pháp lý cao.

**Câu 16:** Theo quy định của Luật ngân sách, hoạt động thu, chi của ngân sách nhà nước được thực hiện theo nguyên tắc

- A. không hoàn trả trực tiếp.
- B. thu nhưng không chi.
- C. chi nhưng không thu.
- D. hoàn trả trực tiếp.

**Câu 17:** Theo quy định của Luật ngân sách, ai được quyền quyết định các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước?

- A. Những người đứng đầu cơ quan Bộ nhà nước.
- B. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- C. Các cơ quan thuộc doanh nghiệp nhà nước.
- D. Các cơ quan lãnh đạo ở địa phương.

**Câu 18:** Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh vai trò của ngân sách nhà nước?

- A. Duy trì mối quan hệ của các doanh nghiệp.
- B. Tạo một nền tảng chính trị ổn định.
- C. Góp phần đảm bảo an sinh xã hội.
- D. Thúc đẩy và tạo điều kiện cho nền kinh tế phát triển.

**Câu 19:** Nội dung nào **không** phải là vai trò của ngân sách nhà nước?

- A. Phân phối lại thu nhập cho người dân.
- B. Huy động nguồn vốn cho nền kinh tế.
- C. Công cụ quan trọng để kiềm chế lạm phát.
- D. Công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế

**Câu 20:** Theo quy định của Luật ngân sách, mục đích của việc thu, chi ngân sách nhà nước là gì?

- A. Để có tiền thực hiện hoạt động ngoại giao.
- B. Để xây dựng các cơ quan Nhà nước.
- C. Để tạo nên sự giàu có cho đất nước.
- D. Để ổn định chính trị-xã hội, phát triển kinh tế.

\*\*\*\*\*

## BÀI 6: THUẾ

### 1. Thuế và vai trò của thuế

#### a. Khái niệm về thuế

Theo khoản 1 Điều 3 Luật Quản lý thuế năm 2019, thuế là một khoản nộp ngân sách nhà nước bắt buộc của tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân theo quy định nhằm sử dụng cho mục đích công cộng.

- Hệ thống thuế được phân loại như sau:

+ Thuế trực thu là thuế mà người nộp thuế đồng thời là người chịu thuế (loại thuế này trực tiếp điều tiết vào thu nhập của người nộp thuế)

+ Thuế gián thu là thuế mà người chịu thuế và người nộp thuế không cùng là một (loại thuế này điều tiết gián tiếp vào thu nhập của người tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ thông qua cơ chế giá hàng hoá, dịch vụ).

### ***b. Vai trò của thuế***

+ Là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước. Đây là nguồn thu quan trọng nhất, mang tính chất ổn định, lâu dài cho ngân sách nhà nước.

+ Là công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô như kiềm chế lạm phát, ổn định giá cả, kích thích đầu tư, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững.

+ Điều tiết thu nhập, thực hiện công bằng an sinh xã hội.

### **2. Một số loại thuế phổ biến**

- Thuế trực thu gồm: thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân,...

- Thuế gián thu gồm: thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu,....

### ***3. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong thực hiện pháp luật về thuế.***

Một số quyền và nghĩa vụ của công dân về thuế theo Điều 16 và Điều 17 của Luật Quản lý thuế năm 2019:

+ Được hỗ trợ, hướng dẫn thực hiện việc nộp thuế; cung cấp thông tin, tài liệu để thực hiện nghĩa vụ, quyền lợi về thuế.

+ Được giữ bí mật thông tin, trừ các thông tin không phải cung cấp chi cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc thông tin công khai về thuế theo quy định của pháp luật.



- + Hưởng các ưu đãi về thuế, hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế, được biết thời hạn giải quyết hoàn thuế, số tiền không được hoàn và căn cứ pháp lý đối với số tiền không được hoàn.
- + Yêu cầu cơ quan quản lý thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của mình.
- + Thực hiện đăng ký thuế, sử dụng mã số thuế theo quy định của pháp luật
- + Nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm
- + Khai thuế chính xác, trung thực và nộp hồ sơ thuế đúng thời hạn, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của hồ sơ thuế.
- + Chấp hành quyết định, thông báo, yêu cầu của cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế theo quy định của pháp luật.

## **BÀI TẬP LUYỆN TẬP**

**Câu 1:** Khoản tiền mà bắt buộc các cá nhân và tổ chức khi tiến hành hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật được gọi là

- A.** thuế                                      **B.** viện trợ.                                      **C.** vay nợ.                                      **D.** hỗ trợ.

**Câu 2:** Loại thuế thu vào các hàng hóa, dịch vụ đặc biệt được gọi là thuế

- A.** tiêu thụ đặc biệt.                                      **B.** thu nhập cá nhân.  
**C.** giá trị gia tăng.                                      **D.** thu nhập doanh nghiệp.

**Câu 3:** Loại thuế thu vào các hàng hóa khi sử dụng gây tác động xấu đến môi trường được gọi là thuế

- A.** bảo vệ môi trường.                                      **B.** thu nhập cá nhân.  
**C.** giá trị gia tăng.                                      **D.** thu nhập doanh nghiệp.

**Câu 4:** Công dân thực hiện tốt pháp luật về thuế khi thực hiện hành vi nào dưới đây?

- A.** làm giả hồ sơ nộp thuế.                                      **B.** gian lận kê khai nộp thuế.  
**C.** kê khai đầy đủ hồ sơ thuế.                                      **D.** hủy hoại hồ sơ thuế.

**Câu 5:** Theo quy định của pháp luật, người nộp thuế có nghĩa vụ

- A.** hưởng các ưu đãi về thuế.                                      **B.** kê khai chính xác hồ sơ thuế.  
**C.** được cung cấp thông tin về thuế.                                      **D.** được cấp mã số thuế.

**Câu 6:** Khoản thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng là thuế

- A.** giá trị gia tăng                                      **B.** thu nhập doanh nghiệp  
**C.** xuất nhập khẩu                                      **D.** tiêu thụ đặc biệt

**Câu 7:** Thuế thu đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hàng hoá, kinh doanh dịch vụ thuộc diện Nhà nước cần thiết điều tiết tiêu dùng là...

- A.** thuế giá trị gia tăng.                                      **B.** thuế thu nhập doanh nghiệp.  
**C.** thuế xuất nhập khẩu.                                      **D.** thuế tiêu thụ đặc biệt.

**Câu 8:** Loại thuế nào do các nhà sản xuất, thương nhân hoặc người cung cấp dịch vụ nộp cho Nhà nước thông qua việc cộng số thuế này vào giá bán cho người tiêu dùng chịu?

- A.** Thuế trực thu                                      **B.** Thuế Nhà nước                                      **C.** Thuế gián thu                                      **D.** Thuế địa phương

**Câu 9:** Vai trò nào sau đây không phải của thuế?

- A.** Thuế là nguồn thu quan trọng nhất cho ngân sách nhà nước.

- B. Thuế là công cụ kích thích đầu tư nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
- C. Thuế thực hiện công bằng an sinh xã hội.
- D. Thuế là công cụ hiệu quả nhất để điều tiết thu nhập.

**Câu 10:** Loại thuế thu trực tiếp vào khoản thu nhập, lợi ích thu được của các tổ chức kinh tế hoặc cá nhân được gọi là...

- A. thuế trực thu.
- B. thuế Nhà nước.
- C. thuế gián thu.
- D. thuế địa phương.

**Câu 11:** Theo quy định của Luật Quản lý thuế, người nộp thuế có quyền

- A. kê khai đầy đủ các loại thuế phải nộp.
- B. nộp thuế đúng thời hạn quy định.
- C. được cung cấp thông tin về việc nộp thuế.
- D. đăng ký thuế khi tiến hành hoạt động phát sinh thuế

**Câu 12:** Theo quy định của Luật Quản lý thuế, người nộp thuế có quyền được

- A. giữ bí mật thông tin về người nộp thuế.
- B. khai báo không trung thực về loại thuế.
- C. tự quyết định thời gian nộp thuế.
- D. tự quyết định địa điểm nộp thuế.

**Câu 13:** Theo quy định của Luật Quản lý thuế, người nộp thuế có quyền được

- A. hướng dẫn việc nộp thuế.
- B. chủ động số tiền nộp thuế.
- C. từ chối nộp thuế khi kinh doanh.
- D. làm sai lệch hồ sơ nộp thuế.

**Câu 14:** Theo quy định của Luật Quản lý thuế, người nộp thuế có trách nhiệm

- A. đăng ký mã số thuế khi kinh doanh.
- B. được hướng dẫn nộp thuế.
- C. được cung cấp thông tin về thuế.
- D. được giữ bí mật thông tin người nộp.

**Câu 15:** Người nộp thuế thực hiện tốt trách nhiệm của mình khi

- A. kê khai không trung thực.
- B. sử dụng hóa đơn giả.
- C. nộp thuế chậm so với quy định.
- D. hoàn thiện đầy đủ hồ sơ thuế.

\*\*\*\*\*

## **BÀI 7: SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ CÁC MÔ HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH**

### **1. sản xuất kinh doanh và vai trò của sản xuất kinh doanh**

Sản xuất kinh doanh là quá trình sử dụng lao động, đất đai, vốn, nguyên vật liệu, khoa học kỹ thuật và các nguồn lực khác để tạo ra sản phẩm hàng hoá, dịch vụ đáp ứng nhu cầu xã hội và thu về lợi nhuận.

#### **2. Vai trò của sản xuất kinh doanh:**

- + Tạo ra sản phẩm đầu vào cho chủ thể sản xuất kinh doanh.
- + Cung cấp các hàng hoá hoặc dịch vụ cho người tiêu dùng;
- + giải quyết việc làm cho người lao động;
- + Thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế.

### **2. Các mô hình sản xuất kinh doanh và đặc điểm của mỗi mô hình**

#### **a. Mô hình kinh tế hộ gia đình**

- + Mô hình kinh tế hộ gia đình là một hình thức sản xuất kinh doanh thuộc sở hữu của hộ gia đình, trong đó các thành viên có tài sản chung, cũng đóng góp công sức để sản xuất kinh doanh

+ Lĩnh vực hoạt động: nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, buôn bán nhỏ...

+ Quy mô: thường nhỏ, vốn đầu tư thấp, chủ yếu sử dụng kinh nghiệm, công nghệ và sức lao động truyền thống

c. **Hợp tác xã:** là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu được thành lập trên tinh thần tự nguyện vì lợi ích chung của các thành viên.

+ HTX có tư cách pháp nhân, do ít nhất 7 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên

+ Liên hiệp Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 04 hợp tác xã tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu chung của hợp tác xã thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý liên hiệp hợp tác xã.

c. **Doanh nghiệp:** là một tổ chức kinh tế do các chủ thể sản xuất kinh doanh thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích chủ yếu là thực hiện các hoạt động kinh doanh và thu về lợi nhuận.

### **Đặc điểm mô hình doanh nghiệp:**

+ **Pháp lí:** Doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng có tài sản, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng kí thành lập theo quy định của pháp luật.

+ **Loại hình:** Có nhiều loại hình doanh nghiệp tồn tại dưới một loại hình cụ thể như: công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên, công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp hợp danh,...

- **Nguồn vốn:** Do cá nhân, tổ chức hoặc do nhiều cá nhân, tổ chức đóng góp vốn.

+ **Quy mô:** Doanh nghiệp lớn doanh nghiệp quy mô vừa, doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ.

### **BÀI TẬP LUYỆN TẬP**

Câu 1: Việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả công đoạn của quá trình từ đầu tư, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích thu được lợi nhuận gọi là gì ?

A. Đầu tư.                      B. Sản xuất                      C. Kinh doanh.                      D. Tiêu dùng .

Câu 2: Sản xuất kinh doanh có vai trò

A. làm mất cân bằng xã hội.  
B. làm ra sản phẩm tinh thần cho con người.  
C. làm ra sản phẩm hàng hóa/ dịch vụ.  
D. làm giảm tỉ lệ sáng tạo của con người.

Câu 3: Doanh nghiệp có ít nhất 02 thành viên là chủ sở hữu chung, cùng nhau kinh doanh dưới một tên, chung gọi là doanh nghiệp

A. tư nhân.                      B. hợp tác xã.                      C. hợp danh.                      D. cổ phần.

Câu 4: Mô hình của hộ sản xuất kinh doanh

A. có quy mô đầu tư vốn lớn.

B. có quy mô nhỏ lẻ.

C. có quy mô sản xuất phong phú.

D. có quy mô hiện đại.

Câu 5: Mô hình kinh tế nào dưới đây là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, được thành lập trên tinh thần tự nguyện vì lợi ích chung của các thành viên?

A. Doanh nghiệp tư nhân.

B. Công ty cổ phần.

C. Mô hình kinh tế hợp tác xã.

D. Mô hình kinh tế hộ gia đình.

Câu 6: Một trong những vai trò quan trọng của sản xuất kinh doanh là góp phần tạo ra sản phẩm nhằm

A. đáp ứng nhu cầu của con người.

B. duy trì tình trạng thất nghiệp.

C. thúc đẩy khủng hoảng kinh tế.

D. kìm chế sự tăng trưởng.

Câu 7: Mô hình kinh tế hợp tác xã được thành lập dựa trên nguyên tắc cơ bản nào dưới đây?

A. Cường chế. B. Tự nguyện. C. Bắt buộc. D. Độc lập.

Câu 8: Đối tượng nào dưới đây không phải là thành viên công ti?

A. Chủ thể chi tiền để mua tài sản cho công ti

B. Chủ thể mua phần vốn góp của thành viên công ti

C. Chủ thể hưởng thừa kế từ người để lại di sản.

D. Chủ thể góp vốn để thành lập công ti.

Câu 9: Một trong những đặc điểm của doanh nghiệp tư nhân là tài sản của chủ doanh nghiệp và tài sản của doanh nghiệp không

A. phải là một.

B. giống nhau.

C. bị tịch thu.

D. tách bạch.

Câu 10: Quá trình còn người tiến hành hoạt động sản xuất để tạo ra sản phẩm hàng hoá/dịch vụ đáp ứng nhu cầu của thị trường, nhằm mục đích thu được lợi nhuận là nội dung của khái niệm

A. Lạm phát do cầu đẩy.

B. Sản xuất kinh doanh

C. Khủng hoảng kinh tế.

D. Kích cầu tiêu dùng.

Câu 11: Ưu điểm của mô hình hợp tác xã so với mô hình hộ sản xuất kinh doanh là

A. tự tổ chức sản xuất kinh doanh.

B. có sự tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau.

C. có quy mô nhỏ lẻ.

D. có quyền tự làm chủ trong kinh doanh.

Câu 12: Mô hình sản xuất kinh doanh do một hộ gia đình làm chủ, tự tổ chức sản xuất kinh doanh theo định hướng phát triển kinh tế của Nhà nước là nội dung của khái niệm

A. hợp tác xã kinh doanh.

B. hộ sản xuất kinh doanh.

C. công ty một thành viên.

D. công ty hợp danh.

Câu 13: Đối với doanh nghiệp tư nhân thì chủ sở hữu duy nhất của doanh nghiệp là

A. người đóng góp nhiều vốn.

B. cá nhân chủ doanh nghiệp.

C. tất cả thành viên của doanh nghiệp.

D. nhiều thành viên tham gia.

Câu 14: Là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh là nội dung của khái niệm

A. giám đốc công ty hợp danh.

B. giám đốc.

C. chủ tịch hội đồng quản trị.

D. doanh nghiệp.

Câu 15: Đối với xã hội, hoạt động sản xuất kinh doanh góp phần

A. duy trì thương hiệu.

B. gia tăng lạm phát.

C. đáp ứng tiêu dùng.

D. tạo ra thu nhập.

Câu 16: Một trong những hạn chế của mô hình sản xuất hộ kinh doanh là

A. dễ tạo việc làm.

B. quản lý gọn nhẹ.

C. khó huy động vốn.

D. có quy mô nhỏ.

Câu 17: Một trong những đặc điểm của doanh nghiệp tư nhân là chủ doanh nghiệp có toàn quyền quyết định

A. việc không kê khai thuế.

B. sản xuất hàng trốn thuế.

C. sản xuất hàng lậu.

D. tăng, giảm vốn đầu tư.

Câu 18: Mô hình sản xuất kinh doanh được hiểu là

- A. tập trung mọi nguồn lực của doanh nghiệp để đạt được mục tiêu.
- B. tạo ra giá trị tích cực cho doanh nghiệp, người tiêu dùng và xã hội.
- C. tăng thu, giảm chi một cách tối đa để mang về lợi nhuận cao nhất.
- D. thoả mãn nhu cầu tối đa của người tiêu dùng.

Câu 19: Sản xuất kinh doanh là

- A. hoạt động quyết định sự hưng thịnh của một quốc gia.
- B. quá trình tối đa hoá mọi nguồn lực tạo ra sản phẩm và thu về lợi nhuận.
- C. hoạt động tổ chức công việc cho người lao động.
- D. hoạt động chỉ sinh lời cho doanh nghiệp.

Câu 20: Mô hình kinh tế hợp tác xã là mô hình kinh tế thể hiện tính chất nào dưới đây?

- A. Tính hợp tác và tính tư nhân.
- B. Tính kinh tế và tính xã hội.
- C. Tính tư nhân và tính xã hội.
- D. Tính kinh tế và tính tư nhân.

\*\*\*\*\*

## **BÀI 8: TÍN DỤNG**

### **1. Tín dụng và đặc điểm của tín dụng:**

- **Tín dụng** là quan hệ vay mượn giữa người cho vay vốn và người vay vốn dựa trên nguyên tắc hoàn trả có kì hạn cả vốn và lãi suất.

#### **- Đặc điểm của tín dụng:**

+ Bên cho vay chuyển giao một lượng vốn tiền tệ (hoặc tài sản) để bên vay sử dụng có thời hạn.

Có sự thỏa thuận giữa người vay và người cho vay về thời hạn cho vay và lãi suất phải trả theo quy định của pháp luật.

### **2. Vai trò của tín dụng:**

- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, giảm lượng tiền mặt trong lưu thông.
- Là công cụ điều tiết kinh tế - xã hội quan trọng của Nhà nước.
- Huy động vốn thúc đẩy sự phát triển kinh tế.
- Góp phần cải thiện cuộc sống của dân cư

### **3. Sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và tín dụng**

Là số tiền lãi mà người sử dụng dịch vụ tín dụng phải trả cho người cung cấp dịch vụ tín dụng trong một khoảng thời gian nhất định.

## **BÀI TẬP LUYỆN TẬP**

**Câu 1:** Một trong những đặc điểm của tín dụng là

- A. tính vĩnh viễn.
- B. tính bắt buộc.
- C. tính phổ biến.
- D. dựa trên sự tin tưởng.

Câu 2: Nội dung nào dưới đây **không** phải là vai trò của tín dụng?

- A. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- B. Hạn chế bớt tiêu dùng.
- C. Tăng vòng quay của vốn, tiết kiệm tiền mặt trong lưu thông.
- D. Là công cụ điều tiết kinh tế - xã hội của Nhà nước.

Câu 3: Trong quá trình cho vay có sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và chi phí sử dụng dịch vụ tín dụng được gọi là gì ?

- A. Tiền dịch vụ.
- B. Tiền lãi.
- C. Tiền gốc.
- D. Tiền phát sinh.

Câu 4: Tín dụng **không** có vai trò nào dưới đây?

- A. Tín dụng là công cụ thúc đẩy sự lưu thông của hàng hoá và tiền tệ.
- B. Tín dụng là công cụ giúp thúc đẩy kinh doanh, đầu tư sinh lời.
- C. Tín dụng làm gia tăng mối quan hệ chủ nợ - con nợ trong xã hội.
- D. Tín dụng thúc đẩy quá trình tập trung vốn và tập trung sản xuất.

Câu 5: Theo quy định của pháp luật những tổ chức nào sau đây được phép cấp tín dụng?

- A. Kho bạc
- B. Chi cục thuế
- C. Các ngân hàng thương mại
- D. Tiệm cầm đồ

Câu 6: Một trong những vai trò của tín dụng là huy động nguồn vốn nhàn dỗi vào

- A. cá độ bóng đá.
- B. lừa đảo chiếm đoạt tài sản.
- C. sản xuất kinh doanh.
- D. các dịch vụ đồ đen.

Câu 7: Nội dung nào dưới đây phản ánh tính tạm thời của việc sử dụng dịch vụ tín dụng?

- A. Nhường quyền sử dụng tạm thời một lượng vốn trong thời gian vô hạn.
- B. Nhường quyền sử dụng tạm thời một lượng vốn trong thời gian nhất định.
- C. Tặng một lượng vốn cá nhân cho người khác.
- D. Chuyển giao hoàn toàn quyền sử dụng một lượng vốn.

Câu 8: Tín dụng là khái niệm thể hiện quan hệ kinh tế giữa chủ thể sở hữu (người cho vay) và chủ thể sử dụng nguồn vốn nhàn rỗi (người vay), theo nguyên tắc hoàn trả có kỳ hạn

- A. nguyên phần gốc ban đầu.
- B. nguyên phần lãi phải trả.
- C. đủ số vốn ban đầu.
- D. cả vốn gốc và lãi.

Câu 9: Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh vai trò của tín dụng ?

- A. Là công cụ điều tiết kinh tế xã hội .
- B. Hạn chế bớt tiêu dùng.
- C. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- D. Thúc đẩy sản xuất, lưu thông.

Câu 10: Một trong những đặc điểm của tín dụng là có tính

- A. một phía.
- B. tạm thời.
- C. cưỡng chế.
- D. bắt buộc.

\*\*\*\*\*

## BÀI 9: DỊCH VỤ TÍN DỤNG

### 1. Tín dụng ngân hàng

- Khái niệm: Tín dụng ngân hàng là quan hệ tín dụng bằng tiền tệ giữa ngân hàng và các chủ thể kinh tế với nguyên tắc thỏa thuận có hoàn trả cả gốc và lãi.

- **Đặc điểm:** + **Vay thế chấp** Là hình thức vay tín dụng cần có tài sản đảm bảo và tài sản đảm bảo phải thuộc quyền sở hữu của người vay, được thẩm định giá trị bởi ngân hàng.

+ Vay tín chấp là hình thức vay tín dụng không cần tài sản đảm bảo mà dựa trên sự uy tín và năng lực trả nợ của người vay.

+ Thẻ tín dụng là thẻ do ngân hàng cấp cho người vay tín dụng (chủ thẻ), cho phép chủ thẻ thực hiện giao dịch chi tiêu qua thẻ trong phạm vi hạn mức tín dụng đã được cấp theo thoả thuận

## 2. Tín dụng thương mại

- **Khái niệm:** Tín dụng thương mại là quan hệ tín dụng giữa các chủ thể sản xuất kinh doanh thông qua các hình thức như mua bán chịu hàng hoá, trả góp hoặc trả chậm.

- **Đặc điểm:** + Đối tượng huy động, cho vay của tín dụng thương mại là hàng hóa

+ Người bán chịu là người cho vay, còn người mua chịu là người vay. Công cụ của tín dụng thương mại là giấy chứng nhận mua bán chịu.

+ Khối lượng áp dụng của tín dụng thương mại thường nhỏ.

+ Thời gian áp dụng của tín dụng thương mại ngắn.

## 3. Tín dụng nhà nước

- **Khái niệm:** Tín dụng nhà nước là quan hệ tín dụng giữa Nhà nước với các chủ thể kinh tế, giữa Nhà nước với các nhà nước khác và các tổ chức nước ngoài thông qua việc phát hành công trái, trái phiếu.

- **Đặc điểm:** + Được nhà nước đảm bảo khả năng thanh toán.

+ Hoạt động tín dụng nhà nước không vì mục tiêu lợi nhuận

+ Đối tượng cho vay vốn của tín dụng nhà nước được quy định, chỉ định theo từng thời kì.

+ Lãi suất cho vay tín dụng nhà nước là ưu đãi do Nhà nước quy định.

## BÀI TẬP LUYỆN TẬP

Câu 1: Một trong những căn cứ quan trọng để thực hiện hình thức tín dụng cho vay thế chấp được thực hiện là người vay phải có

A. đầy đủ quan hệ nhân thân.

B. tài sản đảm bảo.

C. địa vị chính trị.

D. tư cách pháp nhân.

Câu 2: Chủ thể cho vay của tín dụng nhà nước đó là

A. người nước ngoài.

B. doanh nghiệp.

C. người dân.

D. nhà nước.

Câu 3: Hình thức tín dụng nào Nhà nước là chủ thể vay tiền và có nghĩa vụ trả nợ?

A. Tín dụng nhà nước.

B. Tín dụng ngân hàng.

C. Tín dụng thương mại.

D. Tín dụng tiêu dùng.

Câu 4: Một trong những ưu điểm khi thực hiện hình thức tín dụng cho vay thế chấp là

A. không cần hồ sơ thủ tục.

B. số tiền được vay thường lớn.

C. thủ tục đơn giản.

D. dựa vào sở thích của người vay.

Câu 5: Cho vay tín chấp dựa vào đặc điểm nào của người vay?

A. Uy tín của người vay và có tài sản đảm bảo.

B. Uy tín của người vay và không cần tài sản đảm bảo.

C. Có tài sản đảm bảo.

D. Là công chức, viên chức nhà nước.

Câu 6: Hình thức tín dụng nào trong đó người cho vay là các tổ chức tín dụng và người vay là người tiêu dùng nhằm tạo điều kiện để thỏa mãn các nhu cầu về mua sắm hàng hóa

A. tư nhân.

B. thương mại.

C. nhà nước.

D. tiêu dùng.

Câu 7: Quan hệ tín dụng bằng tiền giữa một bên là ngân hàng với một bên là các chủ thể kinh tế dựa trên nguyên tắc thỏa thuận và có hoàn trả được gọi là dịch vụ tín dụng

- A. tiêu dùng.                      B. doanh nghiệp.                      C. ngân hàng.                      D. cá nhân.

Câu 8: Hình thức tín dụng trong đó người cho vay dựa vào uy tín của người vay, không cần tài sản bảo đảm là hình thức tín dụng nào dưới đây?

- A. Tín dụng đen.                      B. Cho vay trả góp.  
C. Cho vay tín chấp.                      D. Cho vay thế chấp.

Câu 9: Người mua tham gia mua trái phiếu chính phủ để được hưởng lãi suất vay thuộc dịch vụ tín dụng nào?

- A. Tín dụng ngân hàng.                      B. Tín dụng tiêu dùng.  
C. Tín dụng thương mại.                      D. Tín dụng nhà nước.

Câu 10: Quan hệ tín dụng giữa nhà nước với các nước khác trên thế giới gọi là hình thức tín dụng

- A. tiêu dùng.                      B. cá nhân.                      C. doanh nghiệp.                      D. nhà nước.

\*\*\*\*\*

## **BÀI 10: LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CÁ NHÂN**

**1. Khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân:** là tập hợp các hoạt động thu, chi tiền bạc, tiết kiệm, đầu tư, dự phòng và nợ được sắp xếp theo trình tự để đạt được mục tiêu tài chính cá nhân cho từng giai đoạn thời gian.

### **2. Các loại kế hoạch tài chính cá nhân**

Có 3 loại kế hoạch tài chính cá nhân phù hợp lứa tuổi học sinh: kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn (dưới 1 tháng); kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn (từ 1 đến dưới 6 tháng) và kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn (trên 6 tháng).

### **3. Tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân**

Việc lập kế hoạch tài chính cá nhân giúp chúng ta quản lý hiệu quả nguồn tài chính của mình, đồng thời thể hiện sự chủ động và cẩn thận trong từng hoạt động chi tiêu, tiết kiệm, đầu tư, dự phòng và vay nợ.

### **4. Các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân:**

+ Bước 1: Xác định mục tiêu và thời hạn tài chính cá nhân.

+ Bước 2: xác định dòng tiền cho các quỹ: tiêu dùng, tiết kiệm, đầu tư, trả nợ và dự phòng cho trường hợp khẩn cấp,...

+ Bước 3: Lập kế hoạch hoạt động thu, chi cho từng quỹ và xác định thời hạn hoàn thành mục tiêu.

+ Bước 4: Tuân thủ theo theo kế hoạch tài chính đã lập.



- Để lập được kế hoạch tài chính cá nhân, cần lựa chọn loại kế hoạch phù hợp mới mục tiêu tài chính đặt ra và đảm bảo các bước nêu trên.

## **BÀI TẬP LUYỆN TẬP**

**Câu 1:** Việc không xây dựng và thực hiện kế hoạch tài chính sẽ khiến mỗi người

- A.** được người khác tôn trọng.
- B.** duy trì tài chính lành mạnh.
- C.** chi tiêu hoang phí và không kiểm soát
- D.** chủ động tính toán chi tiêu

**Câu 2:** Toàn bộ những vấn đề liên quan đến thu nhập, chi tiêu, tiết kiệm, đầu tư... của mỗi người được gọi là

- A.** tài chính doanh nghiệp.
- B.** tài chính gia đình.
- C.** tài chính thương mại.
- D.** tài chính cá nhân.

**Câu 3:** Bản kế hoạch thu chi giúp quản lý tiền bạc của cá nhân bao gồm các quyết định về hoạt động tài chính như thu nhập, chi tiêu, tiết kiệm, đầu tư,... để thực hiện những mục tiêu tài chính của cá nhân được gọi là

- A.** Kế hoạch tài chính gia đình.
- B.** Kế hoạch tài chính doanh nghiệp.
- C.** Kế hoạch tài chính cá nhân
- D.** Kế hoạch phân bổ ngân sách.

**Câu 4:** Nội dung nào sau đây không phải đặc điểm của kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn?

- A.** Thực hiện mục tiêu ngắn hạn và trung hạn.
- B.** Mục tiêu thường là khoản tiền lớn.
- C.** Thời gian thực hiện dưới 6 tháng.
- D.** Thời gian thực hiện trên 6 tháng.

**Câu 5:** Lập kế hoạch tài chính để xây dựng nguồn tiền tiết kiệm không bao gồm khoản thu nào sau đây?

- A.** Tiền lương.
- B.** Tiền làm thêm.
- C.** Tiền được chu cấp.
- D.** Tiền mượn nợ.

**Câu 6:** Mục tiêu kế hoạch tài chính ngắn hạn giải quyết lượng tiền tiết kiệm thường là:

- A.** một khoản tiền lớn.
- B.** một khoản tiền nhỏ.
- C.** nhiều khoản tiền lớn.
- D.** một khoản tiền rất lớn.

**Câu 7:** Bản kế hoạch về thu chi ngân sách nhằm thực hiện một mục tiêu tài chính trong một thời gian từ 3 đến 6 tháng được gọi là

- A.** Kế hoạch tài chính cá nhân vô thời hạn.
- B.** Kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn.
- C.** Kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn.
- D.** Kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn.

**Câu 8:** Khi thực hiện theo dõi và kiểm soát thu chi, cá nhân cần phải:

- A.** Chỉ xác định khoản tiết kiệm.
- B.** Tách khoản chi thiết yếu và không thiết yếu.
- C.** Chỉ xác định khoản chi không thiết yếu.
- D.** Chỉ xác định khoản chi thiết yếu.

**Câu 9:** Kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn thường gắn với khoảng thời gian là

- A.** dưới 12 tháng.
- B.** dưới 3 tháng.
- C.** dưới 10 tháng.
- D.** dưới 26 tháng.

**Câu 10:** Cá nhân muốn tiết kiệm một khoản tiền trong vòng 2 tháng nên lựa chọn loại kế hoạch tài chính nào sau đây?

- A.** Kế hoạch dài hạn.
- B.** Kế hoạch trung hạn.
- C.** Kế hoạch vô thời hạn.
- D.** Kế hoạch ngắn hạn.

\*\*\*\*\*

## **PHẦN 2: GIÁO DỤC PHÁP LUẬT**

## **BÀI 11: CÔNG DÂN VỚI HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

### **1. Cấu trúc hệ thống chính trị nước CHXHCNVN**

#### **a. Các thành tố của hệ thống chính trị nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

Hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một chỉnh thể, gắn bó hữu cơ gồm: Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên.

#### **b. Đặc điểm của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam:**

- + Đảng Cộng sản Việt Nam là một bộ phận của hệ thống chính trị, đồng thời là tổ chức giữ vai trò lãnh đạo của cả hệ thống chính trị Việt Nam;
- + Thống nhất về tổ chức lãnh đạo, mục tiêu chính trị, nguyên tắc tổ chức và hoạt động,...
- + Cơ quan, tổ chức gắn bó mật thiết với nhân dân, phục vụ cho lợi ích của nhân dân dân và chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân.

### **2. Nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị**

Hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam dựa trên các nguyên tắc: nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; nguyên tắc pháp quyền; nguyên tắc tập trung dân chủ, lãnh đạo tập thể, cá nhân phụ trách; nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa.

### **3. Thực hiện nghĩa vụ công dân trong việc xây dựng và bảo vệ hệ thống chính trị: HS tự tìm hiểu**

## **BÀI TẬP LUYỆN TẬP**

**Câu 1:** Hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một thể thống nhất không bao gồm tổ chức nào dưới đây?

- A.** Đảng Cộng sản Việt Nam.
- B.** Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- C.** Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên.
- D.** Tổ chức hữu nghị quốc tế và đại sứ quán các nước.

**Câu 2:** Một trong những đặc điểm của hệ thống chính trị Việt Nam đó là

- A.** Nhà nước lãnh đạo.
- B.** Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.
- C.** Mặt trận tổ quốc lãnh đạo.
- D.** các tổ chức chính trị - xã hội lãnh đạo

**Câu 3:** Trong hệ thống chính trị Việt Nam, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là công cụ tổ chức thực hiện ý chí và quyền lực của nhân dân, thay mặt nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân để

- A. quản lí toàn bộ hoạt động của đời sống xã hội.
- B. lãnh đạo toàn bộ hệ thống chính trị - xã hội.
- C. tập hợp khối đoàn kết toàn dân tộc.
- D. chăm lo lợi ích của các tầng lớp xã hội.

**Câu 4:** Trong hệ thống chính trị Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội là các cơ quan, tổ chức đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, chăm lo lợi ích chính đáng của các đoàn viên, hội viên nhằm thực hiện mục tiêu

- A. lãnh đạo nhà nước.
- B. lãnh đạo Đảng Cộng sản.
- C. đoàn kết toàn dân.
- D. đoàn kết quốc tế.

**Câu 5:** Một trong những đặc điểm của hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là tất cả các cơ quan, tổ chức có mối quan hệ thống nhất về tổ chức lãnh đạo, mục tiêu chính trị, nguyên tắc tổ chức, do

- A. Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo.
- B. Đảng cộng sản Việt Nam cấp kinh phí.
- C. Nhà nước cộng hòa XHCN Việt Nam lãnh đạo.
- D. Các tổ chức chính trị - xã hội lãnh đạo.

**Câu 6:** Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đặc điểm của hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

- A. Do Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo.
- B. Tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ.
- C. Mang bản chất của giai cấp công nhân.
- D. Mang bản chất tư bản chủ nghĩa.

**Câu 7:** Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đặc điểm của hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

- A. Hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ
- B. Dựa trên nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Mác – Lênin.
- C. Mang tính nhân dân và tính dân tộc.
- D. Mang tính quốc tế rộng rãi.

**Câu 8:** Nội dung nào dưới đây **không** phải là nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

- A. Quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.
- B. Đảm bảo tính pháp quyền.
- C. Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.
- D. Phân chia và tam quyền phân lập.

**Câu 9:** Nội dung nào dưới đây **không** phải là nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

- A. Lãnh đạo tập thể.
- B. Cá nhân phụ trách.
- C. Mang tính pháp quyền.
- D. Mang tính tập thể.

**Câu 10:** Trong tổ chức, hệ thống chính trị nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tổ chức và hoạt động dựa trên nguyên tắc

- A. đảm bảo tính pháp quyền.
- B. phổ thông, đầu phiếu.
- C. tự do, tự nguyện.
- D. bình đẳng và tập trung.

**Câu 11:** Việc làm nào dưới đây thể hiện trách nhiệm của công dân trong xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam?

- A. Tích cực tham gia bầu cử.
- B. Gian lận trong bầu cử.
- C. Chia sẻ thông tin sai lệch.
- D. Bao che người vi phạm

**Câu 12:** Việc làm nào dưới đây thể hiện trách nhiệm của công dân trong xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam?

- A. Tham khảo dịch vụ trực tuyến.
- B. Đóng góp ý kiến vào dự thảo Luật.
- C. Đăng ký hiến máu nhân đạo.
- D. khám tuyên nghĩa vụ quân sự.

**Câu 13:** Theo quy định của pháp luật, việc ủy ban nhân dân xã Y tổ chức lấy ý kiến của người dân về kế hoạch lắp đặt hệ thống loa phát thanh ở địa phương là thực hiện tốt nguyên tắc nào dưới đây trong tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị ở Việt Nam?

- A. Đảm bảo tính pháp quyền. B. Quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.  
C. Đảm bảo tập trung dân chủ. D. Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

**Câu 14:** Người nào dưới đây đang công tác trong tổ chức chính trị - xã hội của hệ thống chính trị Việt Nam?

- A. Chị M là Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ của huyện X.  
B. Anh K là Chủ nhiệm câu lạc bộ nghệ thuật phường Y.  
C. Bà N là thành viên của đội văn nghệ Hoạ Mi thuộc xã Z.  
D. Ông T là chủ trang trại nuôi tôm thẻ trắng ở thôn V.

**Câu 15:** Nội dung nào dưới đây không phải là đặc điểm của hệ thống chính trị Việt Nam?

- A. Tính vừa sức. B. Tính đa đảng. C. Tính thống nhất. D. Tính nhân dân.

**Câu 16:** Một trong những nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nguyên tắc đảm bảo

- A. đa nguyên đa đảng. B. đa đảng đối lập.  
C. quyền lực thuộc về nhân dân D. quyền lực phân chia các tầng lớp

**Câu 17:** Một trong những nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là tính

- A. pháp quyền. B. đa đảng. C. tự phát. D. quốc tế.

**Câu 18:** Một trong những nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là

- A. tập trung dân chủ. B. tập quyền phân lập.  
C. cá nhân tập quyền. D. pháp quyền phân lập.

**Câu 19:** Tập trung dân chủ là một nguyên tắc quan trọng trong tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam, nguyên tắc này yêu cầu khi quyết định những vấn đề quan trọng nhất của đất nước được thực hiện theo nguyên tắc

- A. tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. B. người đứng đầu toàn quyền quyết định.  
C. tập thể lãnh đạo và phụ trách. D. tập thể phụ trách cá nhân lãnh đạo

**Câu 20:** Tập trung dân chủ là một nguyên tắc quan trọng trong tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam, nguyên tắc này yêu cầu khi quyết định những vấn đề quan trọng nhất của đất nước được thực hiện theo nguyên tắc

- A. thiểu số phục tùng đa số. B. thiểu số quyết định.  
C. ai cũng có quyền tự quyết. D. tập thể không cần tự quyết

\*\*\*\*\*

## **BÀI 12: BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.**

### **1. Giới thiệu bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam:**

**a. Cơ cấu tổ chức:** Bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam gồm các cơ quan: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân, Chính quyền địa phương, Hội đồng bầu cử quốc gia và Kiểm toán nhà nước.

**b. Đặc điểm và nguyên tắc tổ chức và hoạt động.**

- Quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân
  - Mạng tính thống nhất
- + Nguyên tắc pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

- + Nguyên tắc tập trung dân chủ
- + Nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.
  2. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
    - a. Vị trí và chức năng
      - Vị trí: Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
      - Chức năng: Quốc hội thực hiện quyền lập hiến quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước
    - b. Cơ cấu tổ chức và hoạt động:

Gồm các đại biểu Quốc hội, đứng đầu là chủ tịch Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội.

- Quốc hội làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số. Tại kì họp, Quốc hội thảo luận và quyết định theo đa số các vấn đề thuộc chức năng của Quốc hội.

### **3. Chủ tịch nước CHXHCNVN**

#### **a. Chức năng của Chủ tịch nước CHXHCNVN**

- Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại.

- Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- + Công bố Hiến pháp, luật, pháp lệnh;
  - + Đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ;
  - + Đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chánh án Toà án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
  - + Quyết định đặc xá; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, công bố quyết định đại xá;
  - + Quyết định tặng thưởng huân chương, huy chương, các giải thưởng Nhà nước, danh hiệu vinh dự Nhà nước;
  - + Quyết định cho nhập quốc tịch, thôi quốc tịch, trở lại quốc tịch hoặc tước quốc tịch Việt Nam;
  - + Thống lĩnh lực lượng vũ trang nhân dân, giữ chức Chủ tịch Hội đồng quốc phòng và an ninh;
- nước uỷ nhiệm thay Chủ tịch nước thực hiện một số nhiệm vụ là Phó Chủ tịch nước.

#### **4. Chính phủ nước CHXHCNVN**

##### **a. Vị trí và Chức năng của Chính phủ nước CHXHCNVN**

- Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp pháp của Quốc hội.
- Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chức năng hành pháp thông qua:
  - + Đề xuất, xây dựng chính sách vĩ mô, đề xuất định hướng phát triển kinh tế - xã hội trình Quốc hội, trình dự thảo luật trước Quốc hội;
  - + Ban hành chính sách, kế hoạch cụ thể theo thẩm quyền của Chính phủ; ban hành các văn bản dưới luật để thực thi các chủ trương, chính sách, văn hoá do Quốc hội ban hành;
  - + Tổ chức thực hiện pháp luật; chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát việc thực hiện kế hoạch, chính sách bởi các cơ quan hành chính nhà nước nhằm thống nhất quản lí các lĩnh vực của đời sống xã hội;
  - + Thiết lập trật tự hành chính, thống nhất quản lí nền hành chính quốc gia trên cơ sở các quy định của pháp luật.

##### **b. Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Chính phủ nước CHXHCNVN**

- Chính phủ gồm Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ. Hoạt động của chính phủ gồm 3 hình thức: phiên họp của Chính phủ, hoạt động của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động của các thành viên Chính phủ.

#### **5. Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân**

##### **a. Tòa án nhân dân**

- Toà án nhân dân là cơ quan xét xử của nước CHXHCNVN, thực hiện quyền tư pháp
- Toà án nhân dân và chia thành: Tối cao, Cấp cao, Tỉnh (tương đương), Huyện (tương đương).

##### **b. Viện kiểm sát**

- Viện Kiểm sát nhân dân là cơ quan thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Viện kiểm sát nhân dân và chia thành: Tối cao, Cấp cao, Tỉnh (tương đương), Huyện (tương đương)

## 6. Phê phán, đả kích với những hành vi chống phá nhà nước ( HS tự tìm hiểu)

### BÀI TẬP LUYỆN TẬP

**Câu 1:** Xét về mặt cơ cấu tổ chức, bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam **không** bao gồm cơ quan, tổ chức nào dưới đây ?

- A. Quốc hội. B. Chủ tịch nước.  
C. Chính phủ. D. Bí thư Đoàn thanh niên.

**Câu 2:** Xét về mặt cơ cấu tổ chức, bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam **không** bao gồm cơ quan, tổ chức nào dưới đây ?

- A. Quốc hội. B. Chủ tịch nước.  
C. Tòa án nhân dân. D. Hội thẩm nhân dân.

**Câu 3:** Quyền lực nhà nước Việt Nam được xác định bởi chính chủ thể duy nhất và tối cao của quyền lực là nhân dân thể hiện nguyên tắc nào trong tổ chức và hoạt động của nhà nước?

- A. Tính thống nhất. B. Tính phân chia. C. Tính Đảng. D. Tính quyền lực

**Câu 4:** Đối với bộ máy nhà nước ta, quyền lực nhà nước được phân chia thành quyền lập pháp, hành pháp và

- A. đa đảng phái. B. tư pháp. C. đa pháp. D. nhất nguyên

**Câu 5:** Mặc dù trong nguyên tắc tổ chức và hoạt động của nhà nước Việt Nam, quyền lực nhà nước được phân chia thành quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp song tất cả các cơ quan thực hiện đều đảm bảo mục tiêu chung là

- A. phục vụ nhân dân. B. đàn áp nhân dân.  
C. tự do nhân quyền. D. tự do chính trị

**Câu 6:** Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện quản lý mọi mặt của đời sống xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật thể hiện đặc điểm nào sau đây?

- A. Tính pháp quyền xã hội chủ nghĩa B. Tính quyền lực  
C. Tính thống nhất D. Tính nhân dân

**Câu 7:** Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do nhân dân thành lập nên, được nhân dân ủy quyền để thực hiện quản lý nhà nước và xã hội thể hiện đặc điểm nào sau đây?

- A. Tính nhân dân B. Tính pháp quyền xã hội chủ nghĩa  
C. Tính quyền lực D. Tính thống nhất

**Câu 8:** Quốc hội là cơ quan có quyền thông qua sửa đổi bổ sung Hiến Pháp, thông qua, sửa đổi, bổ sung các luật là thể hiện chức năng nào dưới đây của Quốc hội?

- A. Lập hiến, lập pháp. B. Giám sát tối cao.  
C. Quyết định vấn đề quan trọng. D. Quản lý mọi mặt đời sống.

**Câu 9:** Quốc hội quyết định những chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại là thể hiện chức năng nào dưới đây của Quốc hội?

- A. Giám sát tối cao. B. Ban hành và sửa đổi luật.  
C. Quyết định các vấn đề quan trọng. D. Quản lý nhà nước và xã hội.

**Câu 10:** Theo quy định của pháp luật, Quốc hội quyết định nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của đất nước; xây dựng, củng cố và phát triển bộ máy nhà nước là thể hiện chức năng nào dưới đây của Quốc hội?

- A. Giám sát tối cao. B. Ban hành và sửa đổi luật.  
C. Quyết định các vấn đề quan trọng. D. Quản lý nhà nước và xã hội.

**Câu 11:** Theo quy định của pháp luật, Quốc hội giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội đối với chủ thể nào dưới đây?

- A. Bí thư Đoàn Thanh Niên. B. Tổng bí thư.  
C. Chủ tịch Đảng. D. Chủ tịch Nước

**Câu 12:** Theo luật tổ chức Quốc hội thì cơ quan nào dưới đây được gọi là cơ quan các cơ quan chuyên môn của Quốc hội?

- A. Ban tôn giáo chính phủ
- B. Văn phòng chính phủ.
- C. Hội đồng Dân tộc.
- D. Làng văn hóa các dân tộc.

**Câu 13:** Người đứng đầu nhà nước, thay mặt nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại, thống lĩnh lực lượng vũ trang nhân dân là

- A. Chủ tịch nước.
- B. Chủ tịch Quốc hội.
- C. Thủ tướng chính phủ.
- D. Tổng bí thư

**Câu 14:** Một trong những nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch nước là

- A. Công bố Hiến pháp và luật, pháp lệnh.
- B. Công bố thông tư liên tịch, hướng dẫn.
- C. Bổ nhiệm các ủy ban của Quốc hội.
- D. Miễn nhiệm các ủy ban Quốc hội.

**Câu 15:** Một trong những nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch nước là đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm

- A. Chủ tịch Quốc hội.
- B. Thủ tướng chính phủ.
- C. Tổng bí thư Đảng.
- D. Bí thư Đoàn thanh niên.

**Câu 16:** Theo quy định của pháp luật, chủ thể nào dưới đây có thẩm quyền quyết định đàm phán, kí điều ước quốc tế?

- A. Thủ tướng chính phủ.
- B. Chủ tịch Quốc hội.
- C. Tổng bí thư.
- D. Chủ tịch nước.

**Câu 17:** Cơ quan hành chính cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là

- A. Chủ tịch nước.
- B. Quốc hội.
- C. Chính phủ.
- D. Đoàn thanh niên

**Câu 18:** Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chức năng nào dưới đây?

- A. Hành pháp.
- B. Tư pháp.
- C. Lập pháp.
- D. Kiểm sát.

**Câu 19:** Việc các cơ quan chuyên môn của chính phủ tổ chức thực hiện pháp luật; chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát việc thực hiện kế hoạch, chính sách bởi các cơ quan hành chính nhà nước nhằm thống nhất quản lí các lĩnh vực của đời sống xã hội là thể hiện chức năng nào dưới đây của chính phủ

- A. Hành pháp.
- B. Tư pháp.
- C. Lập pháp.
- D. Kiểm sát.

**Câu 20:** Bộ giáo dục và đào tạo là cơ quan chuyên môn thuộc

- A. Chủ tịch nước.
- B. Quốc hội.
- C. Chính phủ.
- D. Ủy ban văn hóa giáo dục

**Câu 21:** Toà án nhân dân là cơ quan xét xử của nước ta và thực hiện quyền

- A. Tư pháp
- B. Lập pháp
- C. Hành pháp
- D. Chỉ để xử lý dân sự

**Câu 22:** Cơ quan có thẩm quyền xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là

- A. Tòa án nhân dân.
- B. Viện kiểm sát nhân dân.
- C. Hội đồng nhân dân.
- D. Ủy ban nhân dân.

**Câu 23:** Xét về mặt tổ chức, tòa án nhân dân không có cơ quan nào dưới đây?

- A. Tòa án quân sự cấp quân khu.
- B. Tòa án quân sự khu vực.
- C. Tòa án quân sự trung ương.
- D. Tòa án quân sự cấp huyện.

**Câu 24:** Chánh án tòa án nhân dân tối cao do cơ quan nào bầu hoặc phê chuẩn?

- A. Quốc hội.
- B. Chính phủ.
- C. Tòa án.
- D. Viện kiểm sát

**Câu 25:** Theo quy định của pháp luật, chủ thể nào dưới đây có thẩm quyền đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Chánh án tòa án nhân dân tối cao?

- A. Thủ tướng chính phủ.
- B. Chủ tịch nước.
- C. Tổng bí thư.
- D. Chủ tịch Quốc hội.

**Câu 26:** Theo quy định của pháp luật, về mặt tổ chức Tòa án nhân dân được chia thành 4 cấp gồm

- A. Tối cao, cấp cao, cấp tỉnh, huyện.
- B. Tối cao, cấp tỉnh, huyện, cấp xã



C. Cấp cao, cấp tỉnh, huyện, cấp xã

D. Tối cao, cấp cao, trung ương, cấp tỉnh.

**Câu 27:** Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao là cơ quan thường trực của cơ quan nào dưới đây?

A. Tòa án nhân dân tối cao.

B. Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

C. Tòa án nhân dân cấp huyện.

D. Tòa án quân sự khu vực.

**Câu 28:** Việc các cơ quan tư pháp thay mặt nhà nước tiến hành việc buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội là thực hiện chức năng nào dưới đây?

A. Thực hành quyền công tố.

B. Thực hành quyền công khai.

C. Thực hành ý chí người đứng đầu.

D. Kiểm sát hoạt động tư pháp.

**Câu 29:** Theo quy định của pháp luật, việc các cơ quan tư pháp tiến hành buộc tội bị cáo và bảo vệ sự buộc tội trước tòa bằng cách công bố bản cáo trạng là thực hiện chức năng nào dưới đây?

A. Thực hành quyền công tố.

B. Kiểm tra hoạt động tư pháp.

C. Kiểm tra hành chính nhà nước.

D. Thực hành quyền hành pháp.

**Câu 30:** Thực hành quyền công tố trong thi hành pháp luật là hoạt động tư pháp thuộc thẩm quyền của cơ quan nào dưới đây?

A. Chủ tịch nước.

B. Chính phủ.

C. Tòa án nhân dân.

D. Viện kiểm sát nhân dân.

\*\*\*\*\*

## **BÀI 13: CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG**

### **1. Hội đồng nhân dân:**

#### **a. Vị trí, Chức năng của Hội đồng nhân dân**

+ Hội đồng nhân dân do cử tri ở địa phương bầu ra, là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương.

+ Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

#### **b. Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân**

##### **\* Cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân**

Hội đồng nhân dân ở địa phương gồm các đại biểu Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban của Hội đồng nhân dân.

##### **\* Hoạt động của Hội đồng nhân dân**

Hội đồng nhân dân làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số Hội đồng nhân dân họp thường lệ mỗi năm ít nhất 2 kì và họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất. Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề tại phiên họp toàn thể bằng hình thức biểu quyết.

### **2. Ủy ban nhân dân:**

#### **a. Vị trí, Chức năng của Ủy ban nhân dân**

- Ủy ban nhân dân do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu, là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương.
- Ủy ban nhân dân tổ chức việc thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương; tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân và thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước cấp trên giao.

### ***b. Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân***

#### ***\* Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân***

- Ủy ban nhân dân chia thành 3 cấp: ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, ủy ban nhân dân huyện, thị xã, ủy ban nhân dân xã, phường.
- Ủy ban nhân dân gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên và cơ quan chuyên môn được tổ chức Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

#### ***\* Hoạt động của ủy ban nhân dân***

Ủy ban nhân dân hoạt động theo chế độ tập thể, kết hợp với trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân. Ủy ban nhân dân họp thường kì mỗi tháng 1 lần và họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất. Ủy ban nhân dân quyết định các vấn đề tại phiên họp bằng hình thức biểu quyết.

### ***3. Thực hiện nghĩa vụ của công dân trong việc bảo vệ, xây dựng chính quyền địa phương.*** (HS tự liên hệ)

#### **BÀI TẬP LUYỆN TẬP**

**Câu 1:** Hội đồng nhân dân là

- A.** cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương.
- B.** cơ quan lãnh đạo ở địa phương.
- C.** cơ quan hành chính ở địa phương.
- D.** cơ quan giám sát ở địa phương.

**Câu 2:** Hội đồng nhân dân được thành lập thông qua

- A.** bầu cử, ứng cử.
- B.** mệnh lệnh cấp trên.
- C.** phân bổ quyền lực.
- D.** đặc trưng vùng miền.

**Câu 3:** Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và

- A.** lãnh đạo địa phương.
- B.** cơ quan cấp trên.
- C.** người đứng đầu địa phương.
- D.** đoàn thể ở địa phương

**Câu 4:** Hội đồng nhân dân địa phương **không** quyết định vấn đề nào dưới đây của địa phương?

- A.** Phát triển kinh tế - xã hội.
- B.** Đảm bảo an ninh – trật tự.
- C.** Chia tách địa giới hành chính.
- D.** Công tác an sinh xã hội.

**Câu 5:** Hội đồng nhân dân địa phương **không** quyết định vấn đề nào dưới đây của địa phương?

- A.** Giải quyết ô nhiễm môi trường.
- B.** Biện pháp bảo vệ môi trường.
- C.** Thay đổi thuế bảo vệ môi trường.
- D.** Thu phí bảo vệ môi trường.

**Câu 6:** Hội đồng nhân dân địa phương **không** có thẩm quyền quyết định vấn đề nào dưới đây của địa phương?

- A. Quản lý địa giới hành chính.
- B. Hướng dẫn thủ tục hành chính.
- C. Điều chỉnh địa giới hành chính.
- D. Giám sát xử phạt hành chính.

**Câu 7:** HĐND gồm các đại biểu HĐND do ai bầu ra?

- A. Cử tri ở địa phương bầu ra.
- B. Quốc hội bầu ra.
- C. Chính phủ bầu ra.
- D. Viện kiểm sát bầu ra.

**Câu 8:** Hội đồng nhân dân địa phương **không** có thẩm quyền quyết định vấn đề nào dưới đây của địa phương?

- A. Giám sát tối cao hoạt động của Quốc hội.
- B. Giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân.
- C. Giám sát hoạt động của cơ quan hành chính.
- D. Giám sát vấn đề an sinh xã hội tại địa bàn.

**Câu 9:** Cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân là

- A. Hội đồng nhân dân.
- B. Ủy ban nhân dân.
- C. Hội nông dân.
- D. Mặt trận tổ quốc.

**Câu 10:** Hội đồng nhân dân các cấp là cơ quan

- A. công tác nhà nước ở địa phương.
- B. quyền lực nhà nước ở địa phương
- C. điều hành sản xuất ở địa phương.
- D. quản lý nhà nước ở địa phương.

**Câu 11:** Cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương là

- A. Hội đồng nhân dân.
- B. Ủy ban nhân dân.
- C. Mặt trận tổ quốc.
- D. Tòa án nhân dân.

**Câu 12:** Cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân là

- A. Hội đồng nhân dân.
- B. Ủy ban nhân dân.
- C. Mặt trận tổ quốc.
- D. Tòa án nhân dân.

**Câu 13:** Theo Luật tổ chức chính quyền địa phương, Ủy ban nhân dân ở cấp chính quyền địa phương do cơ quan cùng cấp nào lập ra?

- A. Hội đồng nhân dân.
- B. Ủy ban nhân dân.
- C. Mặt trận tổ quốc.
- D. Tòa án nhân dân.

**Câu 14:** Theo Luật tổ chức chính quyền địa phương, cơ quan có chức năng tổ chức việc thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương là

- A. Viện kiểm sát nhân dân.
- B. Tòa án nhân dân.
- C. Ủy Ban nhân dân.
- D. Hội đồng nhân dân.

**Câu 15:** Theo Luật tổ chức chính quyền địa phương, Ủy ban nhân dân chịu trách nhiệm trước hội đồng nhân dân cùng cấp và cơ quan hành chính

- A. cùng cấp.
- B. cấp trên.
- C. cấp dưới.
- D. đồng cấp.

**Câu 16:** Theo Luật tổ chức chính quyền địa phương, người đứng đầu Ủy ban nhân dân được gọi là

- A. Bí thư.
- B. Chủ tịch.
- C. Chánh án.
- D. Viện trưởng.

**Câu 17:** Ủy ban nhân dân có chức năng:

- A. Quyết định các vấn đề của địa phương do luật định.
- B. Tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân.
- C. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương.
- D. Giám sát việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

**Câu 318:** Cơ quan nào sau đây do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra?

- A. Ủy ban nhân dân.
- B. Viện kiểm sát nhân dân.
- C. Hội đồng nhân dân.
- D. Tòa án nhân dân.

**Câu 19:** Cơ quan thực thi PL tại cấp tỉnh, huyện, xã gọi là gì?

- A. UBND.
- B. HĐND.
- C. Viện kiểm sát ND.
- D. Tòa án ND.

**Câu 20:** Cơ cấu tổ chức UBND bao gồm những bộ phận nào?

- A. Chủ tịch, phó chủ tịch, các ủy viên phụ trách chuyên môn.
- B. Chủ tịch, phó chủ tịch.
- C. Các ủy viên phụ trách cơ quan chuyên môn.
- D. Ủy viên phụ trách công an, ủy viên phụ trách quân sự.

\*\*\*\*\*

## **BÀI 14: HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.**

### **1. Khái niệm và vị trí Hiến pháp nước CHXHCNVN**

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam văn bản pháp luật do quốc hội ban hành, có hiệu lực pháp lý cao nhất quy định những vấn đề cơ bản và quan trọng của quốc gia

### **2. Đặc điểm của Hiến pháp nước CHXHCNVN**

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có vị trí là luật cơ bản, là cơ sở để xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; là công cụ bảo đảm quyền công dân, quyền con người ở nước ta; là luật quy định các nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước và là luật có hiệu lực pháp lý tối cao, buộc tất cả các văn bản quy phạm pháp luật khác phải tuân theo Hiến pháp.

### **3. Công dân thực hiện nghĩa vụ tuân thủ Hiến pháp**

- Tích cực tìm hiểu nội dung các quy định của Hiến pháp .

- Nghiêm chỉnh , tự giác thực hiện các quy định của Hiến pháp trong cuộc sống hằng ngày.

- Tích cực tuyên truyền đấu tranh chống các hành vi vi phạm Hiến pháp nhằm bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, xã hội và công dân.

## **BÀI TẬP LUYỆN TẬP**

**Câu 1:** Văn bản pháp luật nào được coi là Luật cơ bản của nhà nước

- A. Hiến pháp.
- B. Luật nhà nước.
- C. Luật tổ chức Quốc hội.
- D. Luật tổ chức Hội đồng nhân dân.

**Câu 2:** Trong hệ thống pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, văn bản pháp luật nào có giá trị pháp lý cao nhất?

- A. Hiến pháp.
- B. Luật nhà nước.
- C. Luật tổ chức Quốc hội.
- D. Luật tổ chức Hội đồng nhân dân.

**Câu 3:** Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là văn bản quy phạm pháp luật do

- A. Chủ tịch nước ban hành
- B. Quốc hội ban hành.
- C. Thủ tướng chính phủ giới thiệu.
- D. Mặt trận tổ quốc ban hành

**Câu 4:** Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định những vấn đề

- A. cơ bản và quan trọng nhất.
- B. cơ bản và cụ thể hóa mọi vấn đề.
- C. quan trọng nhất đối với ngân sách.
- D. quan trọng nhất đối với Đảng.

**Câu 5:** Trong hệ thống các văn bản pháp luật Việt Nam, Hiến pháp được coi là

A. đạo luật cơ bản nhất.

B. luật cụ thể nhất.

C. luật dễ thay đổi nhất.

D. luật thiếu tính ổn định.

**Câu 6:** Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước, các quy định trong Hiến pháp mang tính

A. tuyên ngôn.

B. bất biến.

C. kinh tế.

D. kinh doanh.

**Câu 7:** Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước, các quy định trong Hiến pháp mang tính

A. cương lĩnh.

B. cương quyết.

C. thương mại.

D. vĩnh cửu.

**Câu 8:** Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước, các quy định trong Hiến pháp mang tính tuyên ngôn, góp phần

A. tăng thu ngân sách.

B. tăng tính quyền lực.

C. điều chỉnh chung.

D. điều chỉnh cụ thể

**Câu 9:** Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước, vì dựa vào các quy định trong Hiến pháp các luật, pháp lệnh, nghị định và các văn bản dưới luật khác sẽ

A. cụ thể hóa Hiến pháp.

B. chỉnh sửa lại Hiến pháp.

C. độc lập với Hiến pháp.

D. xa rời nội dung Hiến pháp

**Câu 10:** Nội dung của Hiến pháp quy định về những nội dung cơ bản, quan trọng của đất nước vì vậy nội dung của Hiến pháp mang tính

A. tương đối ổn định.

B. tượng trưng lâu dài.

C. cố định và ổn định.

D. ổn định và bất biến.

\*\*\*\*\*

## **BÀI 15: HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VỀ CHÍNH TRỊ.**

**1. Quy định của Hiến pháp về tên nước, hình thức chính thể, chủ quyền lãnh thổ của quốc gia Việt Nam.**

- Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một quốc gia độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời.

**2. Quy định của Hiến pháp năm 2013 về bản chất nhà nước và tổ chức quyền lực chính trị**

- Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam do nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

**3. Quy định của Hiến pháp về đường lối đối ngoại**

Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập, hợp tác quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi; tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc và điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; là bạn, đối tác tin cậy và

thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế vì lợi ích quốc gia, dân tộc, góp phần vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

#### **4. Thực hiện nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp về chế độ chính trị**

- Tuân theo Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về chế độ chính trị là nghĩa vụ của mỗi công dân Việt Nam. Nghĩa vụ này được thể hiện bằng các hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.

- Công dân phải ý thức được trách nhiệm của bản thân trong việc chấp hành và bảo vệ Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về chế độ chính trị.

#### **BÀI TẬP LUYỆN TẬP**

**Câu 1:** Hiến pháp 2013 khẳng định chính thể Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là

- A.** Cộng hòa xã hội chủ nghĩa. **B.** Dân chủ cộng hòa.  
**C.** Cộng hòa và phong kiến. **D.** Dân chủ và tập trung.

**Câu 2:** Về chế độ chính trị, Hiến pháp 2013 đã khẳng định quyền lực tối cao của nhà nước là thuộc về

- A.** Quốc hội. **B.** Chủ tịch nước. **C.** Chính phủ. **D.** Đảng Cộng sản.

**Câu 3:** Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là

- A.** một nước độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.  
**B.** một nước độc lập, tự do, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.  
**C.** một nước xã hội chủ nghĩa, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.  
**D.** một nước độc lập xã hội chủ nghĩa, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

**Câu 4:** Hiến pháp năm 2013 quy định lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm

- A.** Đất liền, vùng biển và vùng trời.  
**B.** Đất liền, vùng đất và vùng trời.  
**C.** Đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời.  
**D.** Đất liền, vùng đất, vùng biển và vùng trời.

**Câu 5:** Khi đề cập đến lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Hiến pháp 2013 **không** quy định nội dung nào dưới đây?

- A.** Đất liền. **B.** Hải đảo. **C.** Vùng biển. **D.** Khu tự trị.

**Câu 6:** Hiến pháp 2013 khẳng định bản chất của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước

- A.** pháp quyền Xã hội chủ nghĩa. **B.** pháp quyền dân chủ xã hội.  
**C.** chuyên chính tư sản. **D.** chuyên chính tư nhân

**Câu 7:** Hiến pháp 2013 khẳng định bản chất của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do ai làm chủ?

- A.** Của dân, do dân và vì dân. **B.** Của dân, do Đảng và vì dân.  
**C.** Của toàn xã hội. **D.** Giai cấp công nhân

**Câu 8:** Quyền lực của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thuộc về ai?

- A.** Toàn bộ nhân dân lao động chân chính. **B.** Liên minh giai cấp công – nông.  
**C.** Đảng Cộng sản Việt Nam. **D.** Giai cấp cầm quyền.

**Câu 9:** Hiến pháp 2013 khẳng định bản chất của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tất cả quyền lực nhà nước thuộc về ai?

- A.** Nhân dân. **B.** Công nhân. **C.** Nông dân. **D.** Trí thức.

**Câu 10:** Đảng Cộng sản Việt Nam là

- A. lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội.
- B. đơn vị lãnh đạo Nhà nước và xã hội.
- C. tổ chức lãnh đạo Nhà nước và xã hội.
- D. lực lượng trung thành lãnh đạo Nhà nước và xã hội.

**Câu 11:** Về mặt tổ chức quyền lực, Hiến pháp 2013 quy định quyền lực nhà nước là thống nhất có sự phân công phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền

- A. lập pháp, hành pháp và tư pháp.
- B. lập pháp, lập hiến và lập nghiệp.
- C. tự do dân chủ.
- D. tập trung dân chủ.

**Câu 12:** Hiến pháp 2013 khẳng định nhân dân Việt Nam thực hiện quyền lực nhà nước bằng hình thức dân chủ nào dưới đây?

- A. Trực tiếp và gián tiếp.
- B. Trực tiếp và áp đặt.
- C. Gián tiếp và áp đặt.
- D. Tập trung dân chủ.

**Câu 13:** Hiến pháp 2013 quy định, nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện thông qua cơ quan nào dưới đây?

- A. Quốc hội.
- B. Đại sứ quán.
- C. Đoàn thanh niên.
- D. Mặt trận Tổ Quốc

**Câu 14:** Chế độ chính trị của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là chế độ:

- A. Dân chủ chủ nô.
- B. Dân chủ quý tộc.
- C. Dân chủ tư sản.
- D. Dân chủ xã hội chủ nghĩa.

**Câu 15:** Hiến pháp 2013 quy định, nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện thông qua cơ quan nào dưới đây?

- A. Hội đồng nhân dân.
- B. Các hội đoàn thể.
- C. Đoàn thanh niên.
- D. Hội nông dân.

**Câu 16:** Hiến pháp 2013 quy định, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tổ chức và hoạt động theo

- A. Hiến pháp và pháp luật.
- B. Thói quen và tập quán.
- C. Phong tục và thông lệ.
- D. Hiến pháp và phong tục.

**Câu 17:** Hiến pháp 2013 quy định, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quản lý xã hội bằng

- A. Hiến pháp và pháp luật.
- B. Thói quen và tập quán.
- C. Phong tục và thông lệ.
- D. Hiến pháp và phong tục.

**Câu 18:** Cơ sở hình thành Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là

- A. Liên kết giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.
- B. Liên minh giữa giai cấp công nhân với giới cấp nông dân.
- C. Liên minh giữa giai cấp công nhân và giai cấp thống trị.
- D. Liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

**Câu 19:** Nội dung nào sau đây **không** phải là đường lối đối ngoại của nước ta theo quy định của Hiến pháp?

- A. Hữu nghị, hợp tác và phát triển.
- B. Đa dạng hoá, đa phương hoá các quan hệ.
- C. Chủ động và tích cực hội nhập.
- D. Can thiệp vào công việc nội bộ.

**Câu 20:** Hành vi nào sau đây **không** thể hiện việc tuân thủ Hiến pháp về chế độ chính trị?

- A. Anh D tích cực phê phán các hành vi xâm phạm biên giới quốc gia.
- B. Ông M đã tố cáo hành vi tham nhũng của cán bộ xã.
- C. Cô T thường tham gia xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.
- D. Bà P luôn từ chối phát biểu trong cuộc họp dân cư.

\*\*\*\*\*

## BÀI 16: HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VỀ QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN.

### Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp năm 2013

Các quyền về chính trị, dân sự	Các quyền về kinh tế, văn hoá, xã hội	Nghĩa vụ cơ bản của công dân
Quyền không bị phân biệt, đối xử (Điều 16)	Quyền bình đẳng về kinh tế, văn hoá, xã hội (Điều 26)	Nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc (Điều 44)
Quyền sống (Điều 19)	Quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm (Điều 33)	Nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc, thực hiện nghĩa vụ quân sự (Điều 45)
Quyền có nơi ở hợp pháp (Điều 22)	Quyền được bảo đảm an sinh xã hội (Điều 34)	Nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật (Điều 46),...
Quyền tự do di lại và cư trú theo luật định (Điều 23)	Quyền lao động theo pháp luật (Điều 35)	Nghĩa vụ nộp thuế theo Luật định (Điều 47)
Quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình theo luật định (Điều 25)	Quyền học tập (Điều 39)	Nghĩa vụ tôn trọng quyền của người khác (Điều 15),...
Quyền bầu cử, ứng cử theo luật định (Điều 27),...	Quyền xác định dân tộc của mình, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp (Điều 42),...	
Quyền khiếu nại tố cáo (Điều 30),...		

#### 4. Thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

- Tích cực tìm hiểu Hiến pháp để có hiểu biết đầy đủ.
- Tôn trọng quyền của mình và tôn trọng quyền của người khác

Tuyên truyền đấu tranh với các hành vi vi phạm Hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân.

#### BÀI TẬP LUYỆN TẬP

**Câu 1:** Theo quy định của Hiến pháp 2013, mọi công dân đều

- A. bình đẳng trước pháp luật.
- C. được nhận vào làm việc.

- B. cấp vốn kinh doanh.
- D. miễn trừ trách nhiệm pháp lý.



- Câu 2:** Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa xã hội là nội dung cơ bản của Hiến pháp 2013 về
- A. quyền con người. B. nghĩa vụ công dân.  
C. trách nhiệm pháp lý. D. chế độ chính trị.
- Câu 3:** Theo nội dung của Hiến pháp 2013, quyền nào dưới đây phản ánh quyền của công dân trên lĩnh vực chính trị?
- A. Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội.  
B. Quyền tự do đi lại, tự do lập hội.  
C. Quyền từ chối thừa kế.  
D. Quyền cư trú hợp pháp.
- Câu 4:** Theo nội dung của Hiến pháp 2013, quyền nào dưới đây phản ánh quyền của công dân trên lĩnh vực chính trị?
- A. Quyền bầu cử, ứng cử. B. Quyền tự do kết hôn.  
C. Quyền tự do li hôn. D. Quyền cư trú hợp pháp.
- Câu 5:** Theo quy định của Hiến pháp và pháp luật, nội dung nào dưới đây **không** thể hiện quyền bình đẳng của công dân trên lĩnh vực chính trị?
- A. Ứng cử vào Quốc hội. B. Khiếu nại với cơ quan nhà nước.  
C. Tham gia quản lý nhà nước ở cơ sở. D. Tự do cư trú và đi lại trong nước.
- Câu 6:** Theo quy định của Hiến pháp và pháp luật, nội dung nào dưới đây **không** thể hiện quyền bình đẳng của công dân trên lĩnh vực chính trị?
- A. bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp.  
B. Khiếu nại khi quyền lợi bị xâm phạm.  
C. Tham gia quản lý nhà nước tại địa phương.  
D. lựa chọn việc làm phù hợp với năng lực.
- Câu 7:** Theo quy định của Hiến pháp 2013, trên lĩnh vực dân sự, mọi công dân đều có quyền được
- A. ứng cử vào Hội đồng nhân dân B. pháp luật bảo hộ về tính mạng.  
C. bầu cử đại biểu Quốc hội. D. tự do lập hội, tự do đi lại.
- Câu 8:** Theo quy định của Hiến pháp 2013, trên lĩnh vực dân sự, mọi công dân đều có quyền được
- A. có nơi ở hợp pháp. B. ứng cử đại biểu Quốc hội.  
C. nghiên cứu khoa học. D. sáng tạo nghệ thuật
- Câu 9:** Theo quy định của Hiến pháp 2013, trên lĩnh vực dân sự, mọi công dân đều có quyền được
- A. tự do kinh doanh. B. tự do tín ngưỡng. C. khiếu nại, tố cáo. D. tự do ngôn luận.
- Câu 10:** Theo quy định của pháp luật, trên lĩnh vực dân sự, mọi công dân không phân biệt dân tộc, tín ngưỡng, thành phần và địa vị xã hội, đều có quyền được
- A. tự do đi lại. B. học tập C. sáng tác văn học. D. khiếu nại tố cáo
- Câu 11:** Theo quy định của pháp luật, quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân là một trong những nội dung cơ bản của quyền con người trên lĩnh vực
- A. chính trị. B. kinh tế. C. văn hóa. D. dân sự.
- Câu 12:** Theo quy định của pháp luật, mọi công dân đều có quyền được làm việc, lựa chọn việc làm, lựa chọn nơi làm việc là nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền con người trên lĩnh vực
- A. xã hội. B. kinh tế. C. chính trị. D. giáo dục.
- Câu 13:** Theo Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, mọi công dân theo quy định của pháp luật, khi tiến hành sản xuất kinh doanh đều phải thực hiện nghĩa vụ
- A. đóng thuế. B. tìm việc làm. C. có nơi ở hợp pháp. D. tự do đi lại.
- Câu 14:** Theo Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, mọi công dân đều có nghĩa vụ
- A. học tập. B. tham gia quản lý nhà nước và xã hội.  
C. thực hiện tự do ngôn luận. D. tiếp cận thông tin báo chí.

**Câu 15:** Một trong những nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là

- A. bảo vệ môi trường.
- B. được lựa chọn việc làm .
- C. được đảm bảo an sinh xã hội.
- D. được sáng tác văn học nghệ thuật.

**Câu 16:** Một trong những nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là mọi công dân theo quy định của pháp luật đều phải

- A. lựa chọn nghề nghiệp.
- B. trung thành với Tổ quốc .
- C. đảm bảo an sinh xã hội.
- D. đăng ký kết hôn.

**Câu 17:** Một trong những nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là mọi công dân theo quy định của pháp luật đều phải

- A. bảo đảm trật tự an toàn xã hội.
- B. bảo đảm quyền tự do bầu cử.
- C. bảo đảm quyền tự do kết hôn.
- D. bảo đảm quyền tự do ngôn luận.

**Câu 18:** Các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá, xã hội được công nhận bảo đảm theo

- A. Hiến pháp và pháp luật.
- B. Hiến pháp.
- C. Pháp luật.
- D. Quốc hội.

**Câu 19:** Theo Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 công dân có quyền

- A. học tập.
- B. thực hiện nghĩa vụ quân sự.
- C. đóng thuế theo quy định.
- D. trung thành với Tổ quốc.

**Câu 20:** Nội dung nào sau đây là quyền con người, quyền và nghĩa công dân về dân sự?

- A. Quyền được bảo đảm an sinh xã hội.
- B. Quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội.
- C. Quyền kết hôn và li hôn.
- D. Quyền và nghĩa vụ bảo vệ môi trường.

.....

## **BÀI 17: PHÁP NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VỀ KINH TẾ, VĂN HÓA, GIÁO DỤC, KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG.**

### **- Về kinh tế:**

+ Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, phát huy nội lực, hội nhập, hợp tác quốc tế, gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hoá; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

+ Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế; kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

### **- Về văn hoá:**

+ Hiến pháp đã hiến định mục tiêu phát triển bền vững, trong đó thể hiện rõ quan điểm: phát triển kinh tế gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường. Như vậy, văn hoá trở thành một thành tố hữu cơ, bảo đảm cho sự phát triển toàn diện, bền vững của kinh tế.

+ Mục đích của chính sách văn hóa là chăm lo xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại; phát triển văn học, nghệ thuật nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần đa dạng và lành mạnh của nhân dân; phát triển các phương tiện thông tin đại chúng nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin của nhân dân, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; tạo môi trường xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; xây dựng con người Việt Nam có sức khoẻ, văn hoá, giàu lòng yêu nước, có tinh thần đoàn kết, ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân.

#### **- Về giáo dục:**

+ Giáo dục đào tạo là quốc sách hàng đầu, Nhà nước phát triển giáo dục nhằm nâng cao dân trí, phát triển nhân lực, bồi dưỡng nhân tài góp phần quan trọng phát triển đất nước, xây dựng nền văn hoá và con người Việt Nam.

+ Nhà nước quan tâm tới phát triển giáo dục và đào tạo, một mặt khẳng định bản chất và trách nhiệm của Nhà nước. Mặt khác, hiến định chủ trương xã hội hoá giáo dục, nhằm huy động các nguồn lực khác trong xã hội để đầu tư cho giáo dục và đào tạo, từ đó tạo điều kiện cho những thay đổi mang tính đột phá trong lĩnh vực này.

#### **- Về khoa học công nghệ :**

+ Nhà nước tạo điều kiện để mọi người tham gia và được thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động khoa học và công nghệ. Như vậy, vai trò, trách nhiệm của Nhà nước được thể hiện qua việc:

+ Ưu tiên, đầu tư, khuyến khích, tạo điều kiện cho phát triển khoa học và công nghệ

#### **- Về môi trường**

+ Nhà nước có chính sách bảo vệ môi trường nhằm quản lí, sử dụng có hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên; xử lí nghiêm những tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường. Theo đó, Nhà nước và toàn xã hội có trách nhiệm bảo vệ môi trường để bảo đảm quyền của mọi người được thực hiện.

***Thực hiện nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp nước về kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường.(hs tự tìm hiểu)***

### ***BÀI TẬP LUYỆN TẬP***

**Câu 1:** Về mặt kinh tế, Hiến pháp 2013 khẳng định, Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xây dựng nền kinh tế

**A.** phụ thuộc vào thế giới.

**B.** độc lập, tự chủ.

**C.** tách biệt với thế giới.

**D.** có tính lệ thuộc cao.

**Câu 2:** Về mặt kinh tế, Hiến pháp 2013 khẳng định một trong những nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế nước ta là

- A. dựa vào viện trợ của nước ngoài.
- B. phát huy nội lực trong nước.
- C. chủ yếu đi vay nợ nước ngoài.
- D. khai thác cạn kiệt tài nguyên.

**Câu 3:** Về mặt kinh tế, Hiến pháp 2013 khẳng định mô hình kinh tế của nước ta hiện nay là mô hình

- A. kinh tế thị trường.
- B. kinh tế tự cung tự cấp.
- C. kinh tế lệ thuộc.
- D. kinh tế tự nhiên.

**Câu 4:** Về mặt kinh tế, Hiến pháp 2013 khẳng định mô hình kinh tế của nước ta hiện nay là mô hình kinh tế thị trường định hướng

- A. tư bản chủ nghĩa.
- B. xã hội chủ nghĩa.
- C. chuyên chế tư bản.
- D. cộng sản chủ nghĩa.

**Câu 5:** Hiến pháp 2013 khẳng định, về mặt kinh tế, nước ta thực hiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều thức thức

- A. sở hữu.
- B. bóc lột.
- C. áp bức.
- D. chiếm đoạt.

**Câu 6:** Hiến pháp 2013 khẳng định, về mặt kinh tế, hiện nay nước ta thực hiện nhất quán nền kinh tế thị trường với sự tồn tại của nhiều

- A. thành phần kinh tế.
- B. hình thức áp bức bóc lột.
- C. quan hệ xã hội phức tạp.
- D. hình thức viện trợ.

tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, chúng ta luôn chú trọng việc

- A. nhập khẩu các nền văn hóa thế giới.
- B. tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.
- C. du nhập và tôn thờ văn hóa bản địa
- D. duy trì văn hóa của các nước phát triển.

**Câu 7:** Trên lĩnh vực văn hóa, Hiến pháp 2013 khẳng định vai trò của việc phát triển văn học, nghệ thuật nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu

- A. tinh thần đa dạng và lành mạnh của nhân dân.
- B. tìm kiếm lợi nhuận từ việc xuất bản tác phẩm.
- C. nâng tầm văn học nghệ thuật ra quốc tế.
- D. phát triển du lịch và thu hút khách quốc tế.

**Câu 8:** Trên lĩnh vực văn hóa, nhằm xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, Hiến pháp 2013 khẳng định nhà nước và xã hội luôn chú trọng phát triển loại hình văn hóa nào dưới đây?

- A. Văn học nghệ thuật.
- B. Công nghệ truyền hình.
- C. Công nghệ điện ảnh
- D. Văn hóa phương tây.

**Câu 9:** Trên lĩnh vực văn hóa, nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin của nhân dân, góp phần phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Hiến pháp 2013 khẳng định nhà nước và xã hội luôn chú trọng phát triển yếu tố nào dưới đây?

- A. Phương tiện thông tin đại chúng.
- B. Phổ biến rộng rãi mạng xã hội.
- C. Nâng cấp hệ thống truyền dữ liệu.
- D. Nhập khẩu văn hóa phương tây.

**Câu 10:** Việc làm nào sau đây **không** thể hiện trách nhiệm của công dân đối với chính sách giáo dục và đào tạo?

- A. Phê phán mọi hình thức học tập.
- B. Nâng cao trình độ học vấn.
- C. Đổi mới phương pháp học tập.
- D. Mở rộng quy mô các cấp học.

**Câu 12:** Đối với nước ta hiện nay, một trong những nhiệm vụ của chính sách giáo dục và đào tạo là góp phần

- A. bảo mật chương trình học.
- B. định hướng đổi mới giáo dục.
- C. miễn học phí toàn phần.
- D. nâng cao dân trí .

**Câu 13:** Hiện nay, Đảng và Nhà nước ta coi vấn đề nào là quốc sách hàng đầu ?

- A. Quốc phòng an ninh.
- B. Dân số.
- C. Văn hoá.
- D. Khoa học và công nghệ.

**Câu 14:** Theo quy định của Hiến pháp 2013, nội dung nào sau đây **không** phải là quy định của Hiến pháp về khoa học, công nghệ?

- A. Khuyến khích cá nhân đầu tư nghiên cứu.
- B. Bảo đảm quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ.
- C. Ưu tiên đầu tư chuyển giao thành tựu khoa học và công nghệ.
- D. Mua bán các dây chuyền khoa học đã qua sử dụng.

**Câu 15:** Theo quy định của Hiến pháp 2013, nội dung nào sau đây là một trong những mục tiêu của chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường ở nước ta?

- D. Sử dụng hợp lý tài nguyên
- B. Tăng cường nhập khẩu phế liệu.
- D. Chiếm hữu tài nguyên thiên nhiên.

B. Mở rộng mô hình du canh du cư.

**Câu 16:** Theo quy định của Hiến pháp 2013, nội dung nào sau đây là một trong những mục tiêu của chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường ở nước ta?

- A. Bảo tồn đa dạng sinh học.
- B. Khôi phục làng nghề truyền thống.
- C. Đốt rừng làm nương rẫy
- D. Mở rộng việc phủ xanh đồi trọc.

**Câu 17:** Theo quy định của Hiến pháp 2013, nội dung nào sau đây là một trong những mục tiêu của chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường ở nước ta?

- A. Nâng cao chất lượng môi trường.
- B. Xả thải trực tiếp ra môi trường.
- C. Phổ cập mô hình du canh du cư.
- D. Thu hẹp diện tích rừng để làm thủy điện.

**Câu 18:** Theo quy định của Hiến pháp 2013, việc làm nào sau đây thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường?

- A. Áp dụng mô hình đối thoại trực tuyến.
- B. Chủ động xử lý công tác truyền thông.
- C. cản thức đầy hiện tượng lạm phát.
- D. Hạn chế sử dụng nhiên liệu hóa thạch.

**Câu 19:** Theo quy định của Hiến pháp 2013, việc làm nào sau đây thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường?

- A. Thu hẹp diện tích rừng để làm thủy điện.
- B. tuân thủ pháp luật về bảo vệ tài nguyên.
- C. Ném chất bẩn vào nhà người dân.
- D. Hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng .

**Câu 20:** Theo quy định của Hiến pháp 2013, việc làm nào sau đây thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường?

- A. Hạn chế rác thải nhựa.
- B. Cải tiến kỹ thuật sản xuất.
- C. xây dựng thiết chế văn hóa.
- D. Đảo mật thông tin nội bộ

\*\*\*\*\*

## **BÀI 18: HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VỀ BỘ MÁY NHÀ NƯỚC.**

- **Quốc hội** là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

- **Chủ tịch nước:** Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại.

- **Chính phủ** là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp pháp của Quốc hội.
- **Toà án nhân dân** là cơ quan xét xử của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp.
- **Viện Kiểm sát nhân dân** thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp.
- **Hội đồng nhân dân các cấp**: Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, do nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.
- **Ủy ban nhân dân** các cấp, chính quyền địa phương do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu, là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên..
- **Hội đồng Bầu cử Quốc gia** là cơ quan do quốc hội thành lập, có nhiệm vụ tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội; chỉ đạo và hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.
- **Kiểm toán nhà nước** là cơ quan do Quốc hội thành lập, hoạt động độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, thực hiện kiểm toán việc quản lí, sử dụng tài chính, tài sản công.

## BÀI TẬP LUYỆN TẬP

**Câu 1:** Một trong những nhiệm vụ của Hội đồng bầu cử quốc gia là hướng dẫn công tác

- A. cải cách hành chính.
- B. sửa đổi Điều lệ Đảng.
- C. thành lập chính phủ mới.
- D. bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp.

**Câu 2:** Hội đồng bầu cử quốc gia **không** thực hiện nhiệm vụ nào dưới đây?

- A. Giám sát bầu cử đại biểu Quốc hội.
- B. Hướng dẫn bầu cử Hội đồng nhân dân.
- C. Kiện toàn các chức danh của Quốc hội.
- D. Kiểm tra công tác bầu cử đại biểu Quốc hội.

**Câu 3:** Hội đồng bầu cử quốc gia **không** thực hiện nhiệm vụ nào dưới đây khi tiến hành hoạt động bầu cử đại biểu Quốc hội?

- A. Kiểm tra việc thi hành pháp luật về bầu cử.
- B. Chỉ đạo công tác bảo vệ an ninh trong bầu cử.
- C. Thực hiện chức năng tư pháp đối với Quốc hội.
- D. Quy định mẫu hồ sơ ứng cử, mẫu thẻ cử tri.

**Câu 4:** Kiểm toán nhà nước là cơ quan được thành lập do

- A. Chủ tịch nước.
- B. Chính phủ.
- C. Quốc hội.
- D. Viện kiểm sát.

**Câu 5:** Một trong những chức năng, nhiệm vụ của Kiểm toán nhà nước đó là thực hiện kiểm toán việc quản lý sử dụng

- A. tài chính công
- B. nhân sự cấp cao.
- C. tài sản cá nhân.
- D. tài sản nước ngoài.

**Câu 6:** Một trong những chức năng, nhiệm vụ của Kiểm toán nhà nước đó là thực hiện kiểm toán việc quản lý sử dụng

- A. quyền tư pháp                      B. quyền lập pháp.                      C. tài sản công.                      D. tài sản viện trợ.

**Câu 7:** Trong quá trình thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Kiểm toán nhà nước hoạt động một cách

- A. độc lập.                      B. lệ thuộc.                      C. chi phối.                      D. mệnh lệnh.

**Câu 8:** Trong quá trình thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Kiểm toán nhà nước hoạt động một cách độc lập và chỉ

- A. tuân theo cấp trên.                      B. dựa vào lợi ích nhóm.  
C. tuân theo pháp luật.                      D. dựa vào lợi ích cá nhân.

**Câu 9:** Hội đồng bầu cử quốc gia là cơ quan được thành lập do

- A. Chủ tịch nước.                      B. Quốc hội.                      C. Chính phủ.                      D. Tòa án nhân dân.

**Câu 10:** Hội đồng bầu cử quốc gia có nhiệm vụ

- A. thành lập chính phủ mới.                      B. thực hiện quyền công tố.  
C. tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội.                      D. thực hiện quyền giám sát tối cao.

\*\*\*\*\*

## **BÀI 19: PHÁP LUẬT VÀ ĐỜI SỐNG**

### **1. Khái niệm pháp luật**

Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung, do nhà nước ban hành và được bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước.

### **2. Pháp luật có các đặc điểm sau:**

+ Tính quy phạm phổ biến, bắt buộc chung: Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự, là khuôn mẫu, chuẩn mực cho hành vi; được áp dụng nhiều lần, trong phạm vi hiệu lực mà nó tác động đến, với nhiều đối tượng.

+ Tính quyền lực : Nhà nước ban hành pháp luật và được bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước. Mọi tổ chức, cá nhân đều phải thực hiện pháp luật. Mọi hành vi vi phạm pháp luật đều bị xử lý nghiêm minh.

+ Tính xác định chặt chẽ về hình thức: Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự và các quy tắc xử sự đó được chứa đựng trong những văn bản pháp luật. Hình thức pháp lí của các văn bản pháp luật do luật định.

### **3. Vai trò của pháp luật đối với đời sống:**

a. Pháp luật là phương tiện để nhà nước quản lý xã hội: Pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội theo ý chí của Nhà nước nhằm ổn định trật tự, đảm bảo sự phát triển bền vững của xã hội; đồng thời là cơ sở pháp lí cho hoạt động của Nhà nước.

**b.** Pháp luật là phương tiện để công dân bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân: Pháp luật xác lập, ghi nhận các quyền của công dân trong các lĩnh vực đời sống xã hội; tạo cơ sở pháp lí để thực hiện quyền và yêu cầu Nhà nước bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

## **BÀI TẬP LUYỆN TẬP**

**Câu 1:** Phát biểu nào sau đây **là sai** khi nói về vai trò quản lý xã hội của pháp luật?

- A.** Vì pháp luật đảm bảo tính công bằng dân chủ.
- B.** Vì pháp luật có tính phổ biến bắt buộc chung.
- C.** Vì pháp luật bảo đảm phù hợp với lợi ích chung.
- D.** Vì pháp luật không bao giờ thay đổi.

**Câu 2:** Những quy tắc xử sự chung được áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi đối với tất cả mọi người là thể hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật?

- A.** Tính chặt chẽ về hình thức.
- B.** Tính kỉ luật nghiêm minh.
- C.** Tính quy phạm phổ biến.
- D.** Tính quyền lực, bắt buộc chung.

**Câu 3:** Những người có hành vi không đúng quy định của pháp luật sẽ bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để buộc họ phải tuân theo. Điều này thể hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật?

- A.** Tính quy phạm phổ biến.
- B.** Tính quyền lực, bắt buộc chung.
- C.** Hiệu lực tuyệt đối.
- D.** Khả năng đảm bảo thi hành cao

**Câu 4:** Tính quy phạm phổ biến của pháp luật là khuôn mẫu chung, được áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi, đối với tất cả mọi người trong đời sống xã hội cho nên nó gắn liền với các

- A.** quy tắc bắt buộc chung.
- B.** quy tắc xử sự chung.
- C.** quy tắc bắt buộc riêng.
- D.** quy tắc xử sự riêng.

**Câu 5:** Văn bản pháp luật phải chính xác, dễ hiểu để người dân bình thường cũng có thể hiểu được là đặc điểm nào sau đây của pháp luật?

- A.** Tính quyền lực bắt buộc chung.
- B.** Tính xác định chặt chẽ về hình thức.
- C.** Tính quy phạm phổ biến.
- D.** Tính cưỡng chế.

**Câu 6:** Đặc điểm nào của pháp luật là quy tắc xử sự chung, là khuôn mẫu chung, được áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi, đối với tất cả mọi người trong đời sống xã hội?

- A.** Tính xác định chặt chẽ về hình thức.
- B.** Tính xác định chặt chẽ về nội dung.
- C.** Tính quy phạm phổ biến.
- D.** Tính quyền lực, bắt buộc chung.

**Câu 7:** Phát biểu nào **sai** khi nói về pháp luật?

- A.** Pháp luật do Quốc hội thông qua.
- B.** Pháp luật bảo đảm bằng sức mạnh quyền lực của Nhà nước.
- C.** Pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội thống nhất.
- D.** Pháp luật là phương tiện duy nhất để Nhà nước quản lý xã hội.

**Câu 8:** Đặc điểm nào của pháp luật là ranh giới để phân biệt pháp luật với các loại quy phạm xã hội khác?

- A.** Tính quyền lực, bắt buộc chung.
- B.** Tính quy phạm phổ biến.
- C.** Tính xác định chặt chẽ về hình thức.
- D.** Tính xác định chặt chẽ về nội dung.

**Câu 9:** Việc làm nào dưới đây thể hiện pháp luật là phương tiện để nhà nước quản lý xã hội?

- A.** Kiểm tra các hoạt động kinh doanh của cá nhân.
- B.** Tố cáo nhằm ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật.
- C.** Đăng kí kinh doanh khi có đủ điều kiện hợp pháp.
- D.** Đề nghị xem xét lại quyết định của cơ quan nhà nước.



- Câu 10:** Căn cứ vào Luật Giao thông đường bộ, cảnh sát giao thông đã xử phạt những người vi phạm để đảm bảo trật tự an toàn giao thông. Trong những trường hợp này pháp luật đã thể hiện vai trò nào dưới đây?
- A. Là công cụ để bảo vệ trật tự an toàn giao thông.  
 B. Là phương tiện để nhà nước quản lý xã hội.  
 C. Là công cụ để nhân dân đấu tranh với người vi phạm.  
 D. Là phương tiện để nhà nước trừng trị kẻ phạm tội.
- Câu 11:** Dấu hiệu nào sau đây của pháp luật là một trong những đặc điểm để phân biệt pháp luật với đạo đức
- A. pháp luật không bắt buộc đối với trẻ em.  
 B. pháp luật bắt buộc đối với cán bộ công chức.  
 C. pháp luật bắt buộc đối với người phạm tội.  
 D. pháp luật bắt buộc đối với mọi cá nhân tổ chức.
- Câu 12:** Pháp luật do nhà nước ban hành và đảm bảo thực hiện bằng quyền lực của nhà nước là đặc điểm nào của pháp luật?
- A. tính xác định chặt chẽ về hình thức  
 B. tính quy phạm phổ biến  
 C. tính quyền lực bắt buộc chung  
 D. tính cưỡng chế
- Câu 13:** Những quy tắc xử sự chung về những việc được làm, những việc phải làm, những việc không được làm, những việc cấm đoán là phản ánh nội dung của khái niệm nào dưới đây?
- A. Kinh tế.                      B. Đạo đức.                      C. Pháp luật.                      D. Chính trị.
- Câu 14:** Pháp luật có vai trò như thế nào đối với công dân?
- A. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.  
 B. Bảo vệ quyền, lợi ích tuyệt đối của công dân.  
 C. Cưỡng chế mọi nghĩa vụ của công dân.  
 D. Bảo vệ mọi nhu cầu, lợi ích của công dân.
- Câu 15:** Pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện và bảo vệ
- A. các quyền của mình.                      B. quyền và lợi ích hợp pháp của mình.  
 C. lợi ích kinh tế của mình.                      D. quyền và nghĩa vụ của mình.
- Câu 16:** Trên đường phố tất cả mọi người nghiêm chỉnh chấp hành quy định của luật giao thông đường bộ là phản ánh đặc điểm cơ bản nào của pháp luật?
- A. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.                      B. Tính quy phạm phổ biến.  
 C. Tính quyền lực, bắt buộc chung.                      D. Tính xác định chặt chẽ về nội dung.
- Câu 17:** Phát biểu nào sai khi nói về pháp luật?
- A. Pháp luật không phù hợp với quyền lợi, nghĩa vụ chung.  
 B. Pháp luật có tính quy phạm phổ biến trong xã hội.  
 C. Pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội thống nhất.  
 D. Pháp luật bảo đảm tính công bằng, dân chủ.
- Câu 18:** Theo quy định của pháp luật, nội dung nào dưới đây thể hiện vai trò quản lý xã hội bằng pháp luật của nhà nước?
- A. Đăng nhập công thông tin quốc gia.                      B. Tự do đăng ký kết hôn theo quy định.  
 C. Chấn chỉnh việc kinh doanh trái phép.                      D. Ca ngợi phong trào phòng chống dịch.
- Câu 19:** Nhờ có pháp luật, nhà nước mới kiểm tra, kiểm soát được các hoạt động của mọi cá nhân, tổ chức, cơ quan trong phạm vi lãnh thổ của mình. Nhận định này muốn đề cập đến
- A. đặc trưng của pháp luật.                      B. chức năng của pháp luật.  
 C. vai trò của pháp luật.                      D. nhiệm vụ của pháp luật.
- Câu 20:** Nội dung của văn bản luật cấp dưới không được trái với nội dung của văn bản luật cấp trên là thể hiện
- A. tính bắt buộc chung.                      B. quy phạm phổ biến.  
 C. tính xác định chặt chẽ về hình thức.                      D. tính cưỡng chế.

\*\*\*\*\*

## **BÀI 20: HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VÀ VĂN BẢN PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

### **1. Hệ thống cấu trúc pháp luật**

là hình thức cấu trúc bên trong của pháp luật, bao gồm tổng thể các quy phạm pháp luật có mối liên hệ nội tại thống nhất với nhau; được phân định thành các chế định pháp luật và các ngành luật; được quy định bởi tính chất, cơ cấu các quan hệ xã hội mà nó điều chỉnh. Các bộ phận cấu trúc bên trong hệ thống pháp luật gồm: các quy phạm pháp luật, các chế định pháp luật và các ngành luật.

### **2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật**

- Văn bản pháp luật bao gồm: Văn bản quy phạm pháp luật và văn bản áp dụng pháp luật:

+ Văn bản quy phạm pháp luật là văn bản có chứa quy phạm pháp luật, được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

+ văn bản áp dụng pháp luật là văn bản chứa đựng các quy tắc xử sự cá biệt, mang tính quyền lực nhà nước do cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền hoặc cá nhân, tổ chức xã hội được nhà nước trao quyền ban hành theo trình tự, thủ tục luật định trên cơ sở áp dụng các quy phạm pháp luật, đối với những quan hệ cụ thể, cá biệt nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ cụ thể của cá nhân, tổ chức nhất định hoặc xác định trách nhiệm pháp lý đối với chủ thể vi phạm pháp luật.

## **BÀI TẬP LUYỆN TẬP**

**Câu 1:** Tổng thể các quy phạm pháp luật có mối liên hệ mật thiết và thống nhất với nhau được sắp xếp thành các ngành luật, chế định pháp luật được gọi là

**A.** hệ thống pháp luật.

**B.** hệ thống tư pháp.

**C.** quy phạm pháp luật.

**D.** văn bản dưới luật.

**Câu 2:** Nội dung nào dưới đây là một trong những yếu tố cấu thành cấu trúc bên trong của hệ thống pháp luật Việt Nam?

**A.** Ngành luật.

**B.** Pháp lệnh.

**C.** Nghị định.

**D.** Quyết định.

**Câu 3:** Nội dung nào dưới đây là một trong những yếu tố cấu thành cấu trúc bên trong của hệ thống pháp luật Việt Nam?

**A.** Nghị quyết.

**B.** Chế định luật.

**C.** Thông tư.

**D.** Hướng dẫn.

**Câu 4:** Nội dung nào dưới đây là một trong những yếu tố cấu thành cấu trúc bên trong của hệ thống pháp luật Việt Nam?

**A.** Nghị quyết liên tịch.

**B.** Quy phạm pháp luật.

**C.** Thông tư liên tịch.

**D.** Điều lệ Đoàn thanh niên.

**Câu 5:** Cấu trúc bên trong của hệ thống pháp luật Việt Nam **không** gồm nội dung nào sau đây?

**A.** Nghị định

**B.** Ngành luật

**C.** Chế định luật

**D.** Quy phạm pháp luật

**Câu 6:** Những quy tắc xử sự chung do Nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận và bảo đảm thực hiện để điều chỉnh quan hệ xã hội theo định hướng và nhằm đạt được những mục đích nhất định được gọi là

**A.** quy phạm pháp luật.

**B.** chế định pháp luật.

**C.** ngành luật.

**D.** Nghị định.

**Câu 7:** Tập hợp các quy phạm pháp luật có cùng tính chất điều chỉnh nhóm quan hệ xã hội tương ứng trong một hoặc nhiều ngành luật được gọi là

- A. chế định pháp luật.
- C. nghị quyết liên tịch.

- B. thông tư liên tịch.
- D. quy phạm pháp luật.

**Câu 8:** Tập hợp các quy phạm pháp luật có đặc tính chung để điều chỉnh các quan hệ xã hội trong một lĩnh vực nhất định của đời sống xã hội được gọi là

- A. Ngành luật.
- C. quy phạm pháp luật.

- B. chế định pháp luật.
- D. cấu trúc pháp luật

**Câu 9:** Về cấu trúc hệ thống pháp luật bao gồm các ngành luật, các chế định pháp luật và các

- A. quy phạm pháp luật.
- C. thông tư liên tịch.

- B. quyết định xử phạt.
- D. nghị quyết liên tịch.

**Câu 10:** Nội dung nào sau đây thuộc cấu trúc hệ thống pháp luật?

- A. chế định pháp luật
- C. quy định chung ở nhiều nơi

- B. quy tắc xử sự chung
- D. áp dụng với tất cả các đối tượng

\*\*\*\*\*

## **BÀI 21: THỰC HIỆN PHÁP LUẬT**

### ***1. Khái niệm thực hiện pháp luật***

Thực hiện pháp luật là quá trình hoạt động có mục đích , làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi hợp pháp của các cá nhân, tổ chức.

### ***2. Các hình thức thực hiện pháp luật***

-Tuân thủ pháp luật là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật kiểm chế không thực hiện những điều mà pháp luật cấm.

- Thi hành pháp luật là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật tiến hành các hoạt động mà pháp luật quy định phải làm.

- Sử dụng pháp luật là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật tiến hành những hoạt động mà pháp luật cho phép

- Áp dụng pháp luật là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các cơ quan nhà nước, nhà chức trách có thẩm quyền hoặc tổ chức xã hội được Nhà nước trao quyền căn cứ vào quy định của pháp luật để ra các quyết định, làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ, cụ thể của cá nhân, tổ chức.

### ***3. Công dân thực hiện pháp luật trong cuộc sống***

- Khi tham gia vào các quan hệ xã hội lựa chọn cách xử sự phù hợp với quy định của pháp luật

- Thực hiện pháp luật một cách chủ động, tự giác, tích cực.

## BÀI TẬP LUYỆN TẬP

**Câu 1:** Là người kinh doanh, ông A luôn áp dụng đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường. Vậy, ông A đã thực hiện pháp luật theo hình thức nào dưới đây?

- A. Thi hành pháp luật.
- B. Áp dụng pháp luật.
- C. Sử dụng pháp luật.
- D. Tôn trọng pháp luật.

**Câu 2:** Phát hiện một cơ sở kinh doanh cung cấp thực phẩm không đảm bảo an toàn vệ sinh, T đã báo với cơ quan chức năng để kiểm tra và kịp thời ngăn chặn. T đã thực hiện hình thức

- A. thi hành pháp luật
- B. tuân thủ pháp luật.
- C. áp dụng pháp luật.
- D. sử dụng pháp luật.

**Câu 3:** Theo quy định của pháp luật, công dân **không** tuân thủ pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Từ chối kê khai thông tin dịch tễ.
- B. Ủy quyền nghĩa vụ bầu cử.
- C. Hỗ trợ việc cấp đổi căn cước.
- D. Hỗ trợ người nhập cảnh trái phép.

**Câu 4:** Công dân thi hành pháp luật khi

- A. ủy quyền nghĩa vụ bầu cử.
- B. hoàn thiện hồ sơ đăng kiểm.
- C. tìm hiểu thông tin nhân sự.
- D. sàng lọc giới tính thai nhi.

**Câu 5:** Hành vi nào dưới đây thể hiện công dân sử dụng pháp luật?

- A. Người kinh doanh trốn thuế phải nộp phạt.
- B. Công ty X thực hiện nghĩa vụ đóng thuế theo quy định pháp luật.
- C. Các bên tranh chấp phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình .
- D. Anh A và chị B đến tòa án để li hôn.

**Câu 6:** Hình thức thực hiện pháp luật nào dưới đây có sự tham gia của cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền?

- A. Sử dụng pháp luật.
- B. Tuân thủ pháp luật.
- C. Áp dụng pháp luật.
- D. Thi hành pháp luật.

**Câu 7:** Công dân tuân thủ pháp luật khi từ chối

- A. sử dụng vũ khí trái phép.
- B. nộp thuế đầy đủ theo quy định.
- C. bảo vệ an ninh quốc gia.
- D. thực hiện nghĩa vụ bầu cử.

**Câu 8:** Công dân thi hành pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Thay đổi quyền nhân thân.
- B. Bảo vệ Tổ quốc.
- C. Bảo trợ người khuyết tật.
- D. Hiến máu nhân đạo.

**Câu 9:** Người kinh doanh thực hiện nghĩa vụ nộp thuế là hình thức thực hiện pháp luật nào dưới đây?

- A. Tuân thủ pháp luật.
- B. Áp dụng pháp luật.
- C. Sử dụng pháp luật.
- D. Thi hành pháp luật.

**Câu 10:** Khi tham gia vào các quan hệ xã hội, công dân đều xử sự phù hợp với quy định của pháp luật là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

- A. Ban hành pháp luật.
- B. Giáo dục pháp luật.
- C. Phổ biến pháp luật.
- D. Thực hiện Pháp luật

**Câu 11:** Chị Q sử dụng vỉa hè để bán hàng ăn sáng là **không** thực hiện pháp luật theo hình thức nào dưới đây?

- A. Tuân thủ pháp luật.
- B. Thi hành pháp luật.
- C. Áp dụng pháp luật.
- D. Sử dụng pháp luật.

**Câu 12:** Theo quy định của pháp luật, công dân **không** tuân thủ pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Tiếp cận thông tin kinh tế.
- B. Làm giả nhãn hiệu hàng hóa.
- C. Đăng nhập thông tin trực tuyến.
- D. Đăng ký nhập học trước tuổi.

**Câu 13:** Theo quy định của pháp luật, công dân **không** tuân thủ pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Hợp tác để làm giả giấy khám bệnh.
- B. Độc lập lựa chọn ứng cử viên.
- C. Ủng hộ công tác phòng chống dịch.
- D. Công khai danh tính người tố cáo.

**Câu 14:** Anh D là trưởng đoàn thanh tra liên ngành lập biên bản xử phạt và tịch thu toàn bộ số mỹ phẩm giả mà cơ sở T đã sản xuất. Anh D đã thực hiện pháp luật theo hình thức nào dưới đây?

- A. Phổ biến pháp luật
- B. Sử dụng pháp luật
- C. Tuân thủ pháp luật
- D. Áp dụng pháp luật

**Câu 15:** Theo quy định của pháp luật, công dân tuân thủ pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Giao nộp người nhập cảnh trái phép.
- B. Đăng ký nghĩa vụ quân sự khi đến tuổi.
- C. Tố cáo người nhập cảnh trái phép.
- D. Cung cấp thông tin người nhập cảnh trái phép.

**Câu 16:** Người có thẩm quyền đã áp dụng pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Thay đổi nội dung di chúc.
- B. ủy quyền giao nhận hàng hóa.
- C. Xóa bỏ các loại cạnh tranh.
- D. Thu hồi giấy phép kinh doanh.

**Câu 17:** Cảnh sát giao thông xử phạt người không đội mũ bảo hiểm. Trong trường hợp này, cảnh sát giao thông đã

- A. tuân thủ pháp luật.
- B. sử dụng pháp luật.
- C. thi hành pháp luật.
- D. áp dụng pháp luật.

**Câu 18:** Công dân thi hành pháp luật khi

- A. che giấu người nhập cảnh trái phép.
- B. đề nghị thay đổi nơi bỏ phiếu.
- C. nộp thuế đầy đủ theo quy định.
- D. từ chối khai báo tạm trú theo quy định.

**Câu 19:** Theo quy định của pháp luật, công dân **không** thi hành pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Giao nộp người nhập cảnh trái phép.
- B. Công khai danh tính người mắc bệnh.
- C. Xả thải trực tiếp ra môi trường
- D. Gửi đơn tố cáo hành vi vi phạm pháp luật.

**Câu 20:** Học sinh đến trường học tập là biểu hiện của hình thức

- A. Sử dụng pháp luật.
- B. Áp dụng pháp luật.
- C. Thi hành pháp luật.
- D. Tuân thủ pháp luật

\*\*\*\*\*